

CỔ VĂN VIỆT NAM

TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ

**HỒ HUYỀN QUI**

# **TRUYỆN** **TRÌNH THỦ'**

ƯU-THIÊN BÙI KỶ

HIỆU-ĐÌNH

IN LẦN THỨ BA

*sửa-chữa cần-thận*



**SÁCH GIÁO - KHOA**

**TÂN VIỆT**

CỎ VĂN VIỆT NAM

TRẦN TRIỀU XỬ-SĨ

HỒ HUYỀN QUI

# TRUYỆN TRÌNH THỦ

ƯU-THIỆN BÙI KỶ

HIỆU-ĐÌNH

IN LẦN THỨ-BA

*sửa-chữa cần-thận*



SÁCH GIÁO-KHOA

TÂN VIỆT

1956

# HIỆU-ĐÍNH CÁC TRUYỆN NÔM CỔ

Các truyện nôm của ta kể ra cũng khá nhiều, nhưng nhiều truyện nhất là những truyện cũ, cũng có người không biết, không để ý đến, cũng có người xem truyện KIỀU rồi cho hết thấy các truyện cũ là quê-mùa, không đáng xem, coi thường, không buồn đọc nữa, bởi vậy những truyện ấy hầu như là bỏ rơi vậy.

Chúng tôi xét ra có nhiều truyện cổ không phải là không có giá-trị, vẫn không phải toàn một vẻ chất-phác như người ta tưởng lầm ; nhiều câu, nhiều đoạn văn rất hay, ý rất sâu-xa, nếu bỏ mất đi, thì bao nhiêu những áng văn-chương cổ một ngày một tiêu-diệt mất, thì thật đáng tiếc.

Bởi vậy chúng tôi muốn bảo-lưu lấy những di-sản quý-hóa của tổ-tiên để lại, và sưu-tầm những bản truyện hoặc in, hoặc chép bằng chữ nôm, lấy bản cũ nhất làm chuẩn-đích, đem đối-chiếu với các bản khác, so-sánh từng chữ, từng câu, đính-chỉnh lại rồi chú-thích rành-mạch, để khỏi sai-lầm. Khi đã hiệu-đính, chú-thích xong, đem ra cùng nhau thảo-luận đính-chỉnh rồi mới ấn-định xuất-bản.

Hiện-thời chúng tôi đã đính-chỉnh xong bốn truyện NGŨ - NGÔN là : TRUYỆN TRÊ CỐC, TRUYỆN TRINH THỦ, TRUYỆN LỤC SỨC TRANH CÔNG và TRUYỆN HOA ĐIỀU TRANH NẮNG. Những truyện này do ông Phó-bảng Bùi-Kỷ hiệu-đính và chú-giải, và đem in thành từng tập riêng ; như thế các nhà học quốc-văn sau này sẽ có đủ tài-liệu để tra-khảo.

Lệ-thần Trần trọng Kim



## KHẢO - LUẬN TRUYỆN TRINH THƠ

1. Sự-tích trong truyện. — Con chuột bạch, góa chồng, nuôi một đàn con thơ, ở nhà ông Hồ Huyền-Quy là một ẩn-sĩ về cuối đời Trần, một hôm vì đi kiếm mồi bị chó đuổi, chạy vào một cái hang ở góc vườn nhà bên láng-giềng; nhà ấy là nhà thủ-tướng Hồ Quý-Ly. Trong hang này, vốn có một đôi chuột, hôm ấy chuột cái đi vắng, chuột đực một mình ở nhà, chợt thấy chuột bạch chạy vào, hỏi rõ căn-đo, bèn cố quyến-dỗ cho kỳ được. Nào là kể những cảnh vất-vả mẹ góa con côi, nào là tả những nỗi lạnh-lùng chán đơn gởi chiếc, nào là tán-dương sự phú-quí vinh-hoa của nhà thủ-tướng, nào là cười-diễu sự bần-han cùng-quần của kẻ thu-sinh, sau cùng lại mạt-sát những người trọng luân-lý, chuộng tiết-nghĩa ở trên đời, đều là những người chỉ biết chuộng hư danh mà không bỏ-ích cho sự thực chực nào. Song chuột bạch khẳng-khăng cự-tuyệt, hễ chuột đực viện ra được một lý, thì chuột bạch lại dẫn được một lý khác để bác đi. Khi giải-nghĩa thế nào là luân-lý, khi lập-luận thế nào là tiết-nghĩa, khi chê cuộc phú-quí là áng phù-vân,

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

khí khen thanh-cao là nền chính-khi, khí công-kích bọn triều Tần mộ Sở là tuồng hèn-hạ đáng khinh ; sau cùng lại nói nếu bị áp-bách quá, thì quyết theo nghĩa « sát thân thành nhân » để bảo toàn lấy hai chữ trinh-tiết. Chuột đực thấy chuột bạch lời-lẽ nghiêm-chính và khảng-khái, đành phải kiểm lời từ tạ, để cho chuột bạch bằng lòng. Đang khi ấy chuột cái chợt ở đâu về, thấy chuột đực đang nói-chuyện với chuột bạch, ngờ rằng hai bên có tình-ý gì, tỏ vẻ bất bình lắm. Chuột bạch bèn thuật lại đầu-đuôi, vì sự tị-nạn, bất-đắc-dĩ mà không tránh khỏi được nỗi hiềm-nghĩ, lời-lẽ ôn-tồn uyển-chuyển, trước là để biện-bạch tâm-sự của mình, sau là muốn gỡ cho chuột đực, để giữ sự êm-thắm trong chỗ lảng-giềng, rồi từ-biệt thung-dung trở về. Nhưng sau đó, chuột cái không tin lời chuột bạch là thật, không những ray-rức chuột đực, kẻ-lẽ con cá con kê, lại còn đến tận nhà của chuột bạch để rêu-rao tiếng nọ tiếng kia. Đang khi ấy, một con mèo thình-lình ở đâu nhảy đến, chuột cái hoảng-hốt chạy ngã xuống ao. Hồ tiên-sinh trông thấy lấy làm ái-ngại, bèn đuổi mèo đi, vớt chuột cái lên, lấy lẽ phải chằng, giảng-giải đạo cư-xử ở trong gia-đình cho chuột cái nghe, và kể rõ đầu-đuôi cho chuột cái biết chuột bạch vốn một niềm chính-định. Vì Hồ-sinh là người hiểu-biết tiếng các loài-vật, cũng như Công Dã-Tràng đời xưa, đã từng vì tính hiếu-kỳ, đứng nghe ở cửa hang chuột đực, từ đầu đến cuối, cho nên biết rõ hết cả. Xong rồi, Hồ tiên-sinh về thư-phòng chép ra truyện này, đặt tên là *Trinh thủ* nghĩa là con chuột trinh-tiết.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

2. **Tiểu-sử của tác-giả.**— Các bản in cũ, ngoài bla quyền truyện *Trinh thủ* đều đề là « *Trần triều xử-sĩ Hồ Huyền-Quy tiên-sinh soạn* », nay xét trong nhân-vật sử đời Trần, không thấy chỗ nào nói đến truyện Hồ tiên-sinh. Trong các mục *Kính-tịch chí*, *Văn-tịch chí*, của ông Lê Quý-Đôn và Phan Huy-Chú không thấy kê tên cuốn-truyện *Trinh thủ* và cũng không nói gì đến ông Hồ Huyền-Quy.

Tác-giả truyện *Trinh thủ* dùng được nhiều tiếng phương-ngôn ngạn-ngữ của nước nhà, và ông Hồ Huyền-Quy tất là một bậc ân-dật rất có đức-vọng ở thời bấy giờ, mà bình nhật Hồ Quý-Ly vẫn phải tôn-sùng kính-trọng như hàng tôn-trưởng, cho nên trong cuốn truyện *Trinh thủ*, ông Hồ Huyền-Quy mới dám công-nhiên mượn câu văn đề ngụ ý trào-phúng. Thiết-tưởng đó là những lời ức-đoán, song cũng có phần đúng. Nay xem ở trong truyện có những câu sau này :

*Ngự miên Lộc-đổng cảnh thanh,  
Có Hồ-sinh vốn hiển danh đương thì.*

*Chàng màng đuổi thỏ săn hươu,  
Rồng còn uốn khúc ở ao đọt thì.*

thì biết tác-giả không phải là một người bảo-phu tâm-thường vậy. Tiếc rằng sách-vở đời Trần, trải qua cuộc binh-hỏa giặc Minh, tàn-phá gần hết, đến nay sưu-lâm rất khó, mong rằng các nhà lưu tâm đến văn-sử của nước nhà ra công thu-thập lấy nhiều tài-liệu để bổ-chính thêm vào.

3. **Cách kết-cấu ở trong truyện.**— Cuốn truyện

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

có thể chia làm ba đoạn : *Đoạn thứ nhất* : Chuột đực và chuột bạch thuyết-lý với nhau, chuột đực đố chuột bạch mười một lần, chuột bạch bác lại mười một lần. *Đoạn thứ nhì* : Chuột cái về nhà sinh sự với chuột đực và chuột bạch, rồi bị mèo đuổi, lại được Hồ tiên-sinh vớt lên và vâng nghe những lời dẫn-dụ. *Đoạn thứ ba* : là đoạn kết-luận, cho thói gian-tà là đáng chê, lòng chính-trực là đáng kính, và ngụ ý khuyên đời. Cả cuốn đặt theo lối lục-bát, cộng là 848 câu.

4. Văn-pháp và tâm-lý trong truyện. — a) Về cách đặt câu, ta nhận thấy chữ thứ nhì câu lục, có mấy chỗ dùng tiếng trắc, như câu :

*Chàng nghĩ đàn đĩ ém tai,  
Tin nhận, thư cá, gửi đi.*

Lối này về sau các nhà văn cho là khổ-độc, ít khi đặt câu như thế, trừ phi khi nào câu lục đặt theo lối tiểu-đối, nghĩa là ba tiếng trước đối với ba tiếng sau, và ở giữa câu lục có thể chấm ngắt ra làm đôi được (chấm đầu) như câu « *Trên gác phượng, dưới sân rồng* » hay là câu « *Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh* », thì chữ thứ nhì câu lục mới có thể dùng chữ trắc, đó là một chỗ khác nhau về cách đặt câu ở từng thời-đại một, tuy là thuộc về mặt hình-thức, song cũng có thể giúp cho nhà khảo-cứu về văn-sử được một vài phần.

b) Về cách dùng chữ, ta nhận thấy trong truyện có nhiều tiếng cổ, như tiếng « *khùng* » tiếng « *tách* » tiếng « *chung* » tiếng « *thừa* », đến bây giờ ít dùng, và có người lại cho là tiếng nôm-na quá, đó cũng là



những tài-liệu rất cần về cổ-học cho những bạn ham đọc quốc-văn, mà thứ nhất là quốc-văn cũ. Trong truyện cũng có dùng chữ Hán, nhưng dùng toàn chữ thông thường, bởi thế ta có thể nhận rằng kho quốc-âm ta sở dĩ được phong-phủ như ngày nay, tất là đã phải chứa góp bao nhiêu thời-ký, lúc đầu còn dùng những chữ phổ-thông, rồi dần dần dùng đến những chữ khó, trình-độ tiến-hóa ở trong quốc-văn đã qua được một bậc, thì lại bước lên một bậc ; như cuốn truyện *Trình thử* này, mới là những bước đầu dùng chữ Hán ở trong quốc-văn vậy.

c) Về cách viết văn thì thật là giản-dị và minh-bạch, chất-phác và hồn-hậu, tả cảnh một cách tự-nhiên, tả tình một cách lâm-ly thống-thiết. Như đoạn tả thầy đồ nghèo :

*Khó-khăn nhà xác như vò,  
Nước sông, gạo chợ, củi mua củi đồng.  
Thịt chẳng có, cá thì không,  
Chồn năm chẳng có màn-mùng che thân.  
Gà về bơi nát cổ sán,  
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn cỗi ngodì.  
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,  
Lợn ngồi dũi đất ngậm hơi gầy-gò.*

Lại như đoạn tả người góa-bụa :

*Rắp toan nát ngọc chằm châu,  
Lầu cao chẳng quản, giếng sâu chẳng từ.  
Bạn vì một lũ con thơ,  
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.*

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

*Vì đeo tình nước lòng mây,*

*Thì chỉ chim Việt đổ rày cảnh nam.*

*Mấy thu nước mắt chan cơm,*

*Lung canh, đĩa muối, quả đơm thường lễ.*

Còn về cách trào-phúng thì thật là êm-dịu mà cay-chua, mát-mẻ mà đau-xói ; xem như chỗ chuột được so-sánh loài vật với loài người : « Thử coi lấy đây mà suy, Người thiêng hơn vật nào nghỉ ở đâu, Người thời đắc thế-gian giàu, Còn cầu thích chi còn cầu hư danh, Huống chi vật mọn quần-sinh, Giữ sao cho trọn tiết-trình mà bi ». Xưa nay chỉ người lại khen-chê người, đây lại bởi miệng con chuột nói ra, thật là một kỳ-tử của văn-gia.

Không những thế, từ-lý lại rất là sung-thiem, như chỗ chuột được kể cả một đoạn tình-sử dễ dãi chuột bạch, kể từ Lã-hầu, Hồ-phỉ, Điền Thuyền Vũ Tắc-thiên, Trác Văn-Quân, cho đến truyện Lưu Nguyễn, Bạch Viên, muốn cho ta là dù phạm-trần, dù thần-tiên, cũng đều vương-viú bán-biu ở trong tình-trường. Rồi lại cực-lực bài-xích cả đến bài văn luận thủ, cho những phường bạch-diện thư-sinh toàn là nói lém. Có thể cho là một tay hùng-biện.

Lại như chỗ chuột bạch bác lại kể từ lúc mới đặt lễ lệ-bì, cho đến lúc có giáo-hóa, có chính-trị, thế nào là nghĩa tạo-đoan, thế nào là nền phong-hóa, lại mạt-sát đến cả nhưng bọn tham danh vụ lợi, biến tiết khuất thân, thật là từ trực, lý trang, có thể dùng làm bài học luân-lý ở đời được.

Chỗ đặc-sắc nhất ở trong truyện này là dùng được nhiều câu phương-ngôn và tục-ngữ, như những câu:

---

## TRUYỆN TRINH THÚ

---

*Kinh-nghe vui thú kinh-nghe,  
Tép-tôm thì lại vui bề tép-tôm.  
Thả ăn cáy ngáy o o,  
Còn hơn ngay-ngáy ăn bỏ làm chi.*

Không những tức cảnh sinh tình, vừa thiết-thực, vừa có nhiều thanh-thú, mà lại chọn được những câu toàn có tên con giống để làm cho câu văn màu-mẽ thêm lên.

b) Xem suốt cả cuốn văn này, ta nhận thấy tác-giả muốn mượn truyện con chuột đẻ và con chuột bạch để vạch rõ hai con đường đời, là *đường tà* và *đường chính*. Hai con đường này không bao giờ hợp làm một được, nhưng vẫn có lối thông sang với nhau. Những người đi trên hai con đường này có lúc bên nọ đông hơn bên kia, cũng có người trọn đời theo một con đường, cũng có người đang ở con đường này đi sang con đường nọ. Vì thế mà cõi đời lúc nào cũng có người tà, người chính, lúc nào cũng có người đang chính hóa ra tà, đang tà hóa ra chính. Song xét cho kỹ, tà và chính bởi đâu mà sinh ra. Tà và chính chẳng qua là hai cái danh-hiệu tương-đối. Nếu hẳn là không có tà, thì chính cũng không cần phải gọi tên lên nữa. Vì những nỗi thiên-tư của nhân-dục người ta mới phạm vào đường tà : kỳ thực, người ta bầm-sinh ra có phải ai là cũng bất chính đâu. Dù ít hay nhiều, người ta ai cũng có lương-tâm, tức là cái mầm, cái rễ của điều thiện, mà thiện tức là chính vậy. Vì thế cổ-nhân mới lấy bốn chữ tu ố và trắc ần, để xét về tâm-tính người. Ai cũng có lòng tu ố và trắc ần,

---

## TRUYỆN TRINH THỬ

---

tất là ai cũng có lòng lành ; giữ được lòng ấy mà khoáng-sung mãi ra thì trở nên hiền-nhân quân-tử, còn những kẻ gian-ác tiểu-nhân, bầm-nhiên vẫn có lòng lành, chỉ vì bị vật-dục chương-tế mà đến nỗi lạc lối lầm đường. Tà và chính không phải chỉ quán-hệ về tư-cách cá-nhân, mà lại có thể làm hại hay làm lợi cho loài người rất to, vì xưa nay trăm điều tội-ác làm nhiều-loạn, trong từ gia-đình, ngoài đến tộc-đảng, hương-ấp, quận-quốc rồi cả đến thế-giới đều bởi một chữ tà cả. Và chẳng đời nào chính thịnh tất là đời thịnh, đời nào chính suy tất là đời suy, bởi thế ai có con mắt nhận rõ về cái hiềm-tượng của loài người, hoặc về hiện-tại, hoặc về tương-lai, đều phải lấy hai điều phù chính ức tà là hai vấn-đề rất quan-trọng. Tác-giả sinh ở cuối Trần, vào hồi khi-diểm họ Hồ đang mạnh, mà cả triều đều a-phụ một hùa, nhận thấy thói đời xu vilem phụ nhiệt thái quá. Có khi cả những người có học-thức cũng không biết lễ-ngĩa liêm-sĩ là gì, mới động lòng trung-phẫn mà viết ra truyện này, nói con chuột đực, tức là ám-chỉ những đảng Quý-Ly, nói con chuột bạch tức ám-chỉ những bậc trung-thần lúc bấy giờ.

Song than ôi ! ở đời người chính vẫn còn, và kẻ tà không bao giờ hết ; hết bọn Hồ Quý-Ly này đến bọn Quý-Ly khác, cuốn truyện *Trinh thử* này có phải chỉ vì đời Trần mới xuất-hiện ra đời đâu ?

Ta có thể nhận ở đoạn kết-luận có những câu sau này :

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,  
Rằng chê, mà cũng đáng khen lẽ gì.  
Cũng hay trịnh-tiếc giữ nghi,  
Vật còn dường ấy hưởng chi là người.  
Ai hay đen-bạc biến rời,  
Dầu người chẳng biết nhưng trời đã hay,  
Những người mặt dạn mày dày,  
So xem ắt cũng chẳng tày muống kia.

Nếu ngẫm-nghi cho kỹ, thì ta nên liệt cuốn văn này vào tập văn ngụ-ngôn, và nên công-nhận cuốn văn này rất có giá-trị cả về văn-chương và về luân-lý vậy.

Sau khi đọc đi đọc lại nhiều lần, tôi xin lạm đề vào cuốn truyện *Trinh thủ* mấy câu đề giải thêm cái thâm-ý của tác-giả :

Khen thay chuột bạch chính-chuyên,  
Ngán thay đen-trắng đảo-diên trò đời,  
Gặp con dâu bề dỗi dòi,  
Đã thiêng hơn vật là người tinh sảo ?  
Ngẫm xem đất thấp trời cao,  
Thế nào là trọc, thế nào là thanh ?  
Quyền vàng đỡ trước đèn xanh,  
Lưu phương, lưu xử rành rành còn ghi.

Thế mới biết

Thối tà-phong tan chóng,  
Mùi chính-khi thơm lâu,  
Người mẫn thế động lòng đau-xối  
Văn ngụ-ngôn giải ý cao sâu.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

*Trách ai hắc-bạch thay lòng, vì nắm lợi mờ danh  
mà lần-quát ;  
Đề khách thanh-cao ngựa mắt, nghĩ tình đời, thói  
tục lại ấu-sầu.  
Ngân thay chiếc mặt phong-trần, sóng vùi-dập cũng  
thừa một kiếp ;  
Khéo bốn-cột cái mồm nguyệt-đán, lời mĩ-mai đề  
lại ngàn thâu.*

**BÙI ƯU-THIÊN**

# TRUYỆN TRÌNH THỬ





Vừa năm Long-khánh (1) đời Trần,  
 Muôn phương triều-cống mười phân thái-bình.  
 Ngụ mền Lộc-đổng (2) cảnh thanh,  
 Là Hồ-sinh vốn thiện-danh (3) đang thi.  
 Nhiều bề cách vật trí trí (4),  
 Tiếng muông chim lại bay suy nên lời.  
 Kinh-thành nhân thừa ra chơi,  
 Lý Lê (5) thủ-tướng gần nơi ngụ nhà.  
 Canh ba thánh-thời đồng-hồ,  
 Lạ nhà chưa ngủ hồ-đồ (6) xiết bao.  
 Bỗng nghe bên cội bích-đào,  
 Tiếng con muông (7) sửa hào hao dậy-dàng.

---

(1) Long-khánh : Niên-hiệu đời Trần Duệ-tông từ năm 1373 đến 1377 sau Tây-lịch kỷ-nguyên.

(2) Lộc-đổng 鹿洞 : chỗ ông Chu-Hy đọc sách, chỉ chung chỗ ẩn-cư của các bậc cao-nhân.

(3) Thiện-danh 姓名 : nổi tiếng.

(4) Cách vật trí trí 格物致知 : Trong sách Đại-học dùng bốn chữ này để giải về thứ-tự của bậc đại-học : có cách vật mới trí trí, có trí trí mới thành ý, có thành ý mới chính tâm v. v... Về sau dùng bốn chữ này để gọi về sự học rộng biết nhiều.

(5) Lý Lê : tức là Hồ Quí-Lý.

(6) Hồ-đồ : phân vân.

(7) Muông : con chó.

Chẳng là chuột bạch bên tường,  
Cong đuôi mà chạy vọi-vàng hải kinh.  
Cửa hang sẵn ở góc thành,  
Chạy ngang vào đó ẩn mình một khi.  
Mắt mỗi muông lại chạy đi,  
Trong hang dường tiếng nam-nhi (1) hỏi rằng:  
« Uầy ai quen-thuộc chưa tường !  
Đêm khuya đường-đột vì chưng có nào ? »  
Hồ-sinh thấy sự lạ sao,  
Đến bên tường, ghé mắt vào dòm chơi.  
Thấy con chuột đực nằm dài,  
Lời ẩn tiếng nói như người chưa khôn.  
Đương khi nói ngọt, nói ngon,  
Bây giờ chuột bạch còn run như cây (2).  
Một giây (3) tỉnh lại mới hay :  
Vì chưng lỡ bước biết đây chốn nào.  
Tới lui không biết làm sao,  
Khác nào như thẽ cáy vào hang cua (4).  
Dám bày nông-nổi trình thưa,  
Rằng : « Tôi nhà cũng quanh-co miền này.  
Quá chun lạc lối tới đây,  
Chẳng may bỗng gặp muông-cây bắt nhân.  
Phúc sao mà cũng mau chân,  
Chạy vào lại được gửi thân chốn này.  
Rộng cho nướng-nấu ở đây,  
Được qua nạn ấy ơn dày dám vong ».

---

(1) *Nam-nhi* : con trai, ở đây chỉ con chuột đực.

(2) *Run như cây* : cây là con chó. Ta thường nói : run như cây sậy : con chó ướt lông mà đem sưởi, ý nói run sợ.

(3) *Một giây* : một lát.

(4) *Cáy vào hang cua* : lúng-túng khó xoay-xở.

---

## TRUYỆN TRINH THỨ

---

Lời ăn tiếng nói thông-dong,  
Chàng nghe cũng động tấm lòng nước mây.

Rằng : « Sao cả quyết tôi đây,  
Nào chổng con ở đâu, nay làm gì ?

Một mình khuya-khoắt ra đi,  
Dường như giếng vạc, có gì ăn đêm ? (1)

Hay là nhả cá, gửi chim, (2)  
Đêm xuân đón gió đi tìm mùi hương ?

Rằng (3) ta rộng-rãi lòng thương,  
Phỏng như gặp kẻ phũ-phàng thì sao ? »

Nàng nghe chàng nói thấp cao,  
Nói mình mới kẻ tiêu-hao xa gần :

« Thiếp nay ở mái đông-lầu,  
Vì cơ thương-cầu (4) lang-quân tặc ngàn (5).

Mỗi lòng khôn xiết thổ-than,  
Thương chổng lại xót một đàn con thơ.

Rồng-rồng theo nạ (6) sớm trưa,  
Của đâu cho được dư thừa miếng ăn.

Pha-phôi chẳng quản nhọc-nhân,  
Chân le chân vịt (7) nào phân đêm ngày.

---

(1) Nếu không phải như giếng vạc, có gì lại đi ăn đêm.

(2) *Nhả cá, gửi chim* : Bỏ thư vào bụng cá, buộc thư vào chân chim để đưa tin. Nói về trai gái đưa tin cho nhau bằng những cách thăm-dấu.

(3) *Rằng ta* : như ta đây.

(4) *Thương-cầu* : Bối câu : « Bạch vân hóa vi thương cầu » 白雲化為蒼狗, đám mây trắng hóa làm con mèo xanh. Nói về sự biến-ảo thay đổi trong trời đất.

(5) *Lang-quân tặc ngàn* : chổng chết.

(6) *Nạ* : mạ rồng-rồng — con của cá quả (cá tràu, cá lóc)

(7) *Chân le, chân vịt* : chân cao chân thấp, chạy ngược chạy xuôi, vấp-vả.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Nghe quan thủ-tướng bên này,  
Cửa-nhà tráng-lệ, cửa dày bằng non.  
Muốn ăn hết, phải đào (1) giun,  
Pha bờ xồng bụi nào còn biết e.  
Đêm hôm cũng dẫn mình đi,  
Sang đây kiếm ít đem về làm lưng. (2)  
Ai ngờ gặp đũa gió trắng (3),  
Cho nên khuyất nẻo lạc chừng khôn thay ! »  
Chàng nghe nông-nổi giải-bày,  
Quyết lòng cầm-sắt một hai dõ-dành.  
Rằng : « Nàng giải hết chân tình,  
Thương thay phận gái một mình long-đong.  
Đã hay trong đạo vợ chồng,  
Nghĩa-sân tình nặng há lòng chẳng thương.  
Kính quyền (4) đôi lẽ là thường.  
Được nơi tựa ngọc nương vàng thời thôi.  
Chẳng lo mẹ góa con côi,  
Sớm khuya loan-phượng no đôi (5) đường nào.  
Chẳng lo liễu cợt hoa chào,  
Bướm gợn ong giữ làm sao cho tuyền.  
Vả nàng là gái thuyền-quyên,  
Phỏng khi gặp kẻ vô duyên khôn dè (6).  
Vi mà dốc tấm lòng qui (7).

---

(1) Ăn hết đào giun : đào giun để đánh bầy chim hết.  
Ở đây chỉ về nghĩa muốn kiếm miếng ăn thì phải mất công.

(2) Làm lưng : làm vốn.

(3) Gió trắng : cần-dỡ, ở đây chỉ vào con chó.

(4) Kính là theo đạo thường, quyền là quyền biến, có thể thay đổi đạo thường, không cần phải câu-chấp quá.

(5) No đôi : đủ đôi.

(6) Khôn dè : không biết chừng.

(7) Qui : thừ hoa nở bao giờ cũng quay về chiều có mặt trời.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Giữ sao cho được trọn bề hướng dương (1) »,

Nàng nghe ẩn-nói số-sàng,

Muôn sâu thăm-tã, hai hàng chứa-chan.

Cúi đầu thưa nói khoan-khoan :

« Thiếp như phận liễu gặp cơn gió thổi (2).

Đã thương mới dám ngỏ lời,

Nhớ trong thanh-sử (3) hôm mai ghi lòng.

Chữ rằng : *tòng nhất nhi chung* (4)

Gái hiền thờ chỉ một chồng chẳng hai.

Cương-thường đạo cả há chơi,

Một niềm hằng giữ, mấy lời định-ninh.

Vả nay bóng đã xế màn,

Dám đâu còn lại gieo mình nữa nao.

Mặc ai ong-bướm xôn-xao,

Mười phần cũng chẳng chuyển-dao (5) một phần,

Hạ qua đám ước lại xuân,

Dễ hầu gà lược (6) mấy lần nữa sao ?

Phận đành cho ả họ Tào, (7)

(1) *Hướng dương* 向陽 : quay về mặt trời.

(2) *Đoái* : phương tây, bởi chữ đoái 兌, đọc chạnh đi làm âm bằng.

(3) *Thanh-sử* : sử xanh, về đời xưa chưa có giấy, dùng mảnh tre để viết chữ, mặt cắt tre có sắc xanh cho nên gọi là thanh-sử.

(4) *Tòng nhất nhi chung* 從一而終 : chỉ theo một chồng mà ở trọn đời.

(5) *Chuyển-dao* 轉接 : chuyển lay, ý nói thay lòng đổi dạ.

(6) *Gà lược* : nói người đàn-bà cải giá.

(7) *Họ Tào* : *Liệt-nữ truyện* : nàng Linh-nữ là vợ Tào-vân-Thước, góa chồng, người nhà muốn bắt ép đi cải giá, nàng bèn lấy dao cắt mũi để thủ-tiết :

## TRUYỆN TRINH THỦ

Mong sân hoe (1) được thanh-cao là mừng.  
Bây giờ sầy bước lỗ chừng,  
Tôi đây đã đợi ơn chung (2) lòng chàng.  
Đoái thương thân-phận lỗ-làng,  
Dạy đường phương-tiện (3) lòng càng cảm ơn.  
Tóc tơ giải hết nguồn cơn,  
Quyết liều chịu tốt thồn-bon một bề (4).  
Vu qui (5) nui chỉ non thề,  
Tắc lòng đá tạc vàng ghi dám rời.  
Ở đời kiên-ngạnh (6) với đời,  
Kéo e oanh-yến những lời khen-chê !  
Chàng rằng : Nàng vẫn chấp-mé,  
Chẳng hay lo trước ắt thì lụy sau.  
Hãy suy cho thấu cơ-mầu,  
Trong khi tụy-hoán (7) dễ hầu một ai.  
Chữ rằng : xuân bất tái lai,  
Một ngày là mấy sớm mai hỡi nàng !

(1) Sân hoe : đời xưa Vương Hựu trồng ba cây hoe ở sân có nói rằng : Về sau con cháu phát-đạt cũng như ba cây hoe tươi-tốt ; đời sau dùng điển này để nói về sự con cháu hiển-đạt.

(2) *Đội ơn chung* : đội ơn ở.

(3) *Phương-tiện* 方便 : nguyên là chữ ở trong kinh Phật, nghĩa là tự-do tùy-tiện, tự mình thu-xếp cho mình. Ở đây nói về cách khuôn-xếp cho tiện.

(4) *Thồn-bon một bề* : cá thồn-bon mình đẹp, đã nằm một chiều thì không trở mình lại được, ý nói chịu yên một bề. (Cá thồn-bon ở Nam Việt gọi là cá lưỡi trâu).

(5) *Vu qui* : Bối câu : « chí lý vu qui » 之子于歸 ở trong kinh Thi : người con-gái kia đi về nhà chồng.

(6) *Kiên-ngạnh* 堅硬 : bền cứng.

(7) *Tụy-hoán* 萃渙 : tên hai quẻ ở trong kinh Dịch, tụy là họp, hoán là tan, cũng như tụ-tán.

---

## TRUYỆN TRINH THỮ

---

Tôi lui đôi lẽ cho tường,  
Tĩnh bề xử biến hơn đường kiên trinh.  
Kết làm phu-phụ chỉ tình,  
Chẳng lo thuyền bách (1) lênh-dênh giữa nguồn.  
Lòng xuân tưởng đến cũng buồn,  
Chẳng nghe câu vi phương-ngôn thường lẽ :  
*Chơi xuân kẻo hết xuân đi,*  
*Cái giá sống-sộc nó thì theo sau.*  
Ngựa qua cửa sỏ (2) bao lâu,  
Kiếp toan kiếm chốn bán sầu mua vui.  
Hoa tàn nhị rữa thì thôi,  
Bấy giờ ai kẻ còn lời tóc-tơ.  
Một mình giữ đống con thơ,  
Để ai lo-lắng sớm trưa với nàng.  
Có khi biến, có khi thường,  
Suy điều cùng chiếu cùng giường vầy vui.  
Song song như đũa có đôi,  
Ấm-no cùng thỏa, ngọt-bùi cùng ăn.  
Bằng khi vô-võ nửa chẵn,  
Cảnh khuya trần-trọc bán-khoản vui gì ?  
Được chẳng một tiếng tiết-nghi,  
Bắc đồng cân thử xem bề nào hơn.  
Xưa nay mấy kẻ hồng-nhan,  
Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn (3) được đâu.  
Như người phú-các thư-lâu, (4)

(1) *Thuyền bách* : Bời bài thơ bách-chu 柏舟 ở trong kinh Thi nói : người góa chồng như chiếc thuyền gỗ bách lênh-dênh ở giữa sông.

(2) *Ngựa qua cửa sỏ* : Bời chữ bạch câu quá khích 白駒過隙. Ngựa trắng chạy qua khe cửa, nói về đời người nhanh chóng.

(3) *Gan vàng dạ ngọc cơ-hàn được đâu* : Tuy có gan vàng dạ ngọc song ở vào cảnh đói rét, đã chắc là giữ vững được đâu.

(4) *Phú-các thư-lâu* : những bậc tài-nữ, được ở vào cảnh phong-lưu, phú-quý.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Lòng son dạ sắt mình đâu dám bi !»

Nàng rằng : « Phận gái vụng-về,  
Đầu-do chút cũng thấu bề phải chẵn.

Vợ chồng đạo cả lẽ hằng.

Tạo đoan (1) lẽ ấy há rằng phải chơi.

Kề từ thừa mới thiên khai,

Năm hàng ở nội chưa ai biết gì.

Cũng còn có lẽ lệ-bi (2),

Chè loài cầu hợp (3) rặn bề dâm-bôn (4).

Phu-thê phong-hóa chi nguyên (5),

Sự vong như thể sự tồn (6) kéo que (7).

Trời đâu phụ kẻ tiết-nghi,

Lân-kinh (8), mao-giản (9) tạc ghi còn truyền.

Đời xưa mấy gái tiết-hiền (10),

---

(1) *Tạo đoan* : bởi câu *Thiên địa chi đạo tạo đoan hề phu-phụ* : 天地之道造端乎夫婦 : đạo trời đất gây ra cái mối đầu từ đạo vợ chồng.

(2) *Lệ-bi* : 儷皮 : hai miếng da thuộc ; theo hôn-lễ đời cổ, dùng hai miếng da, một miếng của họ nhà trai, một miếng của họ nhà gái, đánh đôi nhau mỗi bên giữ một miếng để làm bằng.

(3) *Cầu hợp* 苟合 : tụ-hợp bằng cách tạm-bợ.

(4) *Dâm-bôn* 淫奔 : vì sự dâm-dăng mà theo nhau.

(5) *Phong-hóa chi nguyên* : cái nguồn của phong-hóa và giáo-hóa.

(6) *Sự vong như thể sự tồn* : thờ người lúc mất cũng như lúc sống.

(7) *Que* : tiếng cũ, nghĩa là sai, lẫn.

(8) *Lân-kinh* 麟經 : đức Khổng-tử chép kinh xuân-thu đến chỗ được con kỳ-lân què, ngài không chép nữa, người sau gọi kinh xuân-thu là lân-kinh.

(9) *Mao-giản* 毛鷄 : Sứ của Mao-công, đời bấy giờ chưa có giấy, chép vào thanh tre.

(10) *Đời xưa mấy gái tiết-hiền* : ý nói xưa nay rất hiếm người tiết-ngĩa ; có bản chép là : đời xưa mấy kẻ tiết hèn.



---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Chẳng nên giống họ, thì nên giống này.  
Mấy người tỉnh nước, lòng mây (1),  
Sớm đưa gã Lý, tối vầy chàng Trương (2).  
Sử xanh còn chép rõ-ràng,  
Lòng này đâu dám ra tuồng như xưa.  
Kẻ chồng còn đó tro tro,  
Cùng người khác đã đợi-chờ tình chung.  
Kẻ thời mới khuất mặt chồng,  
Chưa xanh ngọn cỏ, cải dong, biển nghè.  
Những loài ấy kẻ làm chi,  
Rành-rành bia miệng (3) còn ghi đến rày.»  
Chàng nghe lại nói lời này :  
« Nàng tuy biết một chưa hay biết mười.  
Đã là tai mắt ở đời,  
Cứ mình chờ bắt-chước người vụ danh.  
Ở trong thế-sự vẫn thanh (4),  
Hễ mà miễn được ich mình thời thôi.  
Vi dù bắt-chước như ai,  
Nói màu trinh-tiết, ở loài bốn-ba.  
Hán thời Lã-hậu ai qua,  
Sớm khuya cửa tia, vào ra nhà vàng.  
Từ khi khuất mặt Hán-hoàng,  
Mà lòng tư túi với chàng Tự Cơ (5).

---

(1) *Tỉnh nước, lòng mây* : tỉnh lắng-lơ.

(2) *Gã Lý chàng Trương* : Trong *Tĩnh-sử* thường nói Trương-tam, Lý-tứ, anh ba họ Trương, anh tư họ Lý, nghĩa là nay người này mai người khác.

(3) *Bia miệng* : miệng người nói cũng như bia chép.

(4) *Thế sự vẫn thanh* : cuộc đời vẫn đục hay trong.

(5) *Lã-hậu đời Hán, tư-thông với người Tự Cơ*, thường dấu ở trong bức vách.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

À Hồ-dương (1) nọ chẳng vừa,  
Cớ gì mà lại toan thờ Tống-công (2).  
Kìa như Vũ-hậu cũng nòng,  
Mày ngài được sánh bề rồng mấy phen (3).  
Vua Đường thoát mới xe tiên (4),  
Rủ rèm trong đã có nguyên riêng tây.  
Họ Trương (5) dôi gã đẹp thay,  
Hứa Tam-tư lại chuyển tay mận đào.  
Điều Thuyền (6) há chính-chuyên nào,  
Khi ra Lã Bố, khi vào Đồng-công (7).  
Gặp ai thời nấy là chồng,  
Cõi đời đầu đấy đều cùng cười chê.  
Thủ coi lấy đấy mà suy,  
Người thiêng hơn vật nào nghĩ ở đâu ?  
Người thời đắc thế sang-giàu,  
Còn cầu thích ý, còn cầu hưu danh (8).  
Hướng chi vật mọn quần sinh,  
Giữ sao vẹn chữ tiết-trình mà bì ».

---

(1) *Hồ-dương* : tên một công-chúa ở đời Hán Quang-vũ.

(2) *Tống-công* : Tống Hoảng, một người hiền ở đời Hán Quang-vũ, Hồ-dương công-chúa góa chồng, muốn Tống Hoảng bỏ vợ để lấy mình, nhưng Tống Hoảng không nghe.

(3) *Mày ngài được sánh bề rồng mấy phen* : Vũ-hậu hai lần lấy vua, trước lấy Đường Thái-tông, sau lấy Đường Cao-tông.

(4) *Vua Đường thoát mới xe tiên* : Vua Đường Cao-tông mới mất.

(5) *Họ Trương dôi gã* : Trương Dịch Chi và Trương xương Tôn, hai người đều được Vũ-hậu yêu-mến.

(6) *Điều Thuyền* : một người tuyệt sắc ở cuối đời Đông-Hán, con nuôi của Vương Doãn.

(7) *Khi ra Lã Bố khi vào Đồng-công* : Điều Thuyền đã lấy Lã Bố lại lấy Đồng Trác.

(8) *Có bản chép* : còn cầu thích chi . . .

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Gót đầu nàng lặng ngồi nghe,  
Lâu lâu lại ngoảnh mặt đi thờ dài.  
Chàng nghĩ đàn đã êm tai,  
Kê đường lợi-hại nói chơi xa gần.  
Rằng : « Thương nàng chữa yên thân,  
Ở nơi đình-chủ (1) đông-lân bây giờ.  
Khó-khăn nhà xác như vờ,  
Nước sông gạo chợ, củi mua củi đồng.  
Thịt chẳng có, cá thời không,  
Chốn nằm chẳng có màn-mùng che thân.  
Gà về bới nát cỏ sân,  
Mèo buồn lại chạy kiếm ăn ngõ ngoài.  
Chó nằm hè gặm vỏ khoai,  
Lợn ngồi dũi đất (2) ngậm hơi gầy-gò.  
Vật nuôi còn chữa được no,  
Của dâu thừa-thãi để cho đến nàng.  
Vả hay tiếc của giữ-giàng,  
Giang-san một năm lại càng dẫu-dung.  
Vắt chày ra nước ròng ròng (3),  
Miếng ăn dè cột (4) chớ hồng mon-men.  
Hứng tay dưới, vắt tay trên,  
Rán sành ra mỡ (5) bon-chen từng điều.  
Treo cổ chó, buộc cổ mèo,

---

(1) Đình-chủ 停主 : Người chủ trọ. Đây chỉ vào Hồ-minh là người có nhà cho chuột bạch ở nhờ.

(2) Có bản chép : Lợn ngồi cũi đất.

(3) Vắt cổ chày ra nước : Câu tục-ngữ, ý nói người rệu-rỉ.

(4) Miếng ăn dè cột : Câu tục-ngữ, ý nói giấu đi, cất đi thật kỹ, khó lòng lấy ra được.

(5) Rán sành ra mỡ : Câu tục-ngữ cũng giống như vắt chày ra nước.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Bình dưa lợ muối (1) chắt-chiu nom-dòm.  
Vật đầu cá, vá đầu tôm (2),  
Liệu thưng (3) bữa sớm bữa hôm ít nhiều.  
Hạt rơi hạt rụng bao nhiêu,  
Chậu-bồn úp lại, ai đào (4) chẳng ra.  
Thấy nằng lòng dạ xót xa,  
Châu chan sầu-tủ nghĩ hòa (5) thương cho.  
Anh nay nhờ phận ăm-no,  
Tổ-nhân thiên táng, huyết do mối đùn (6).  
Hội long nhập thủ chuyển khôn (7)  
Bao nhiêu hồ thủy cũng tuôn nhập đoài (8).  
Rày chen vượng-tướng (9) hào tài,

---

(1) Có bản chép : bình rau cọng muối.

(2) Vật đầu cá, vá đầu tôm : Câu tục-ngữ ý nói giạt cái nọ bù vào cái kia, mà thiếu-thốn vẫn hoàn thiếu-thốn.

(3) Liệu thưng : San-xẻ nhiều ít gọi là cho có bữa ăn.

(4) Ai đào cho ra : Ai nạy cho được.

(5) Nghĩ hòa thương cho : Hòa là cùng chung.

(6) Thiên táng, mối đùn : Trời để mả cho, chứ không phải người để. Tục-truyền ngôi mộ nào được thiên táng thì mối đùn lên thành mả, người không phải đắp đất.

(7) Hội long : Long mạch khởi tự phương hội là phương tây-bắc. Nhập thủ : vào phía đầu. Chuyển khôn : khôn là quẻ khôn, phương tây-nam, nghĩa là : long mạch đi từ tây-bắc vào phía đông rồi chuyển sang tây-nam.

(8) Hồ thủy : Nước bên tay hồ là tay phải. Nhập đoài : Đoài bởi chữ đoài đọc chạnh ra, đoài là phương tây.

(9) Vượng-tướng 旺相 : Theo lý ngũ-hành, mộc, hỏa, thổ, kim, thủy ; mộc ở ngôi mộc, hỏa ở ngôi hỏa v. v. là vượng ; hỏa ở ngôi mộc, thổ ở ngôi hỏa v. v. là tướng, tướng nghĩa là giúp.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Đông-phương tị ngộ mấy đời đến nay (1).  
Vả xem cây lộc (2) tốt thay,  
Qui-nhân phù-trợ tài này làm nên.  
Lại xem tiền-định chẳng hèn,  
Mười thầy cũng nói như in một lời.  
Số tử-vi đã giải-bày,  
Tham-lang thủ mệnh (3) ắt rày vượng thay.  
Vạy nên gặp cửa người đây,  
Ngôi cao nhất phẩm, lộc dày thiên chung (4).  
Tòa ngang dãy dọc trùng trùng,  
Tả lâu hoa tạ, (5) hữu cung ngọc đường.  
Cửa thời núi bạc non vàng,  
Thóc Chu, lúa Hán (6) kho-tàng xiết đầy.  
Thạch Sùng (7) tắc lưới lặc đầu,  
Nhân-sinh rất mực hòa giàu hòa sang.  
Thức gì thức chẳng sẵn-sàng,  
Giàu lòng ăn-ở nghênh-ngang một mình.  
Vả nhà lắm kẻ hiền-lành (8),  
Tụng kinh chẳng nở sát sinh loài gì.  
Khí vui khúc-khích đầu hè,

---

(1) *Đông-phương tị ngộ* : Tị là đông-nam, ngộ là chính-nam, mệnh chuyển từ đông sang nam.

(2) *Cây lộc* : một phép xem bói, lấy lá cây hay bông hoa mà đoán sự tốt xấu.

(3) *Tham-lang thủ mệnh* : sao tham-lang đóng ở cung hầu-mệnh.

(4) *Thiên chung 千鍾* : nghìn chung gạo, ý nói lương-bình nhiều.

(5) *Hoa tạ 花榭* : nhà trồng hoa.

(6) *Thóc Chu, lúa Hán*, hai triều vua rất giàu, kho-tàng chứa nhiều thóc lúa.

(7) *Thạch Sùng 石崇* : tên một người rất giàu ở đời Tấn.

(8) *Có hẳn chép* : vả nhà mấy kẻ hiền-lành.

---

## TRUYỆN TRÌNH THỦ

---

Dẫu rằng gia-chủ chẳng hề dễ-dùi (1).  
    Ngấm thân được chốn an vui.  
Hiềm vì một chút số sui muộn-mản.  
    Muốn cho vẹn nghĩa Tấn Tần,  
Tìm phương phụ-hậu (2) ân-cần những lo.  
    Đã từng xem quẻ bói rùa (3).  
Còn toan bói hạc (4) xem cho mới đành.  
    Nghe rằng Già-pháp thần-linh (5),  
Quyết lòng cầu tự đình-ninh đến chùa.  
    Trong nhà hắc hồ (6) trấn phù,  
Sinh con sinh cái nuôi cho dễ-dàng.  
    Tìm thầy Biển Thuộc lập phương (7).  
Mã-đề, qui-bản, sà-sàng, lộc-nhung (8).  
    Nhân-sâm, liên-nhục, mật-ong (9),  
Pha cao hồ-cốt ban-long luyện hoàn.  
    Bỏ trong ngũ nội (10) đã an,  
Vợ chồng lục-vị, thập-toàn (11) uống chung.  
    Trong lòng còn nghĩ chưa xong.  
Rắp tìm một kẻ thiên-phòng (12) chưa ai.

---

(1) Có bản chép : tưng rằng ông Tí chẳng hề dễ-dùi.

(2) *Tìm phương phụ-hậu* : tìm cách giúp vào hào tử-tức.

(3) *Bói rùa* : cách bói bằng mai rùa.

(4) *Bói hạc* : cách bói già-hạc, tức là cách bói gieo ba đồng tiền.

(5) *Già-pháp* 家法 : Phép cầu cúng của nhà chùa.

(6) *Hắc hồ* : Hồ đen, vẽ hình hồ đen để trấn trạch.

(7) *Biển Thuộc* 扁鵲 : tên một thầy thuốc rất giỏi về đời Xuân-thu.

(8) *Mã-đề* : tên một vị thuốc. *Qui-bản* : thứ cao nấu bằng mai rùa. *Sà-sàng* : tên một vị thuốc. *Lộc-nhung* : nhung hươu. Bốn vị này đều là thuốc bổ.

(9) Có bản chép : nhân-sâm, hồng-nhục, mật ong.

(10) *Ngũ-nội* 五內 : ngũ tạng.

(11) *Lục-vị*, *Thập-toàn* : tên hai phương thuốc bổ.

(12) *Thiên-phòng* 偏房 : vợ bé.

## TRUYỆN TRINH THỦ

To đầu vú, cả dài tai,  
Dày nơi ngư-vĩ, cao nơi ngoại tâm (1).  
Biết đầu như thế mà tìm,  
Nhờ tay nguyệt-lão khéo đem kết duyên.  
Hôm qua máy mắt cho liền,  
Nhện sa trước mặt báo tin ngoài thêm.  
Bể chưa gà mới so xem,  
Vững con, tươi cái, ngoài đụn quá nời (2).  
Cho hay duyên-kiếp bởi trời,  
Nghiệm xem báo ứng rạch-rời chẳng sai.  
Hôm nay mẹ nó đi chơi,  
Phỏng chừng cũng đến có đôi ba ngày.  
Mà nàng lạc lối tới đây,  
Và coi hình-tướng cũng tày nàng Oanh (3).  
Khác loài tước bộ xà hành (4).  
Lại xem phu tướng kiên-trinh ai bi.  
Muốn nên một chút nghĩa chi,  
Chẳng hay nàng có khứng (5) vì cùng chẳng ?  
Đưa duyên nhờ gió gác Đăng (6).

(1) *Ngư-vĩ* 漁尾 : đuôi con mắt. *Ngoại tâm* 外心 : chỗ dưới mí mắt. Theo trong sách tướng, ngư-vĩ dày và ngoại-tâm cao là nhiều con.

(2) *Vững con, tươi cái*, ngoài đụn quá nời : Theo cách xem chửa đồ con là ngón trỏ, cái là ngón giữa, ngoài là ngón ở ngoài, nời là giữa ; ngoài đụn quá nời là ngón ngoài chỉ vào ngón giữa.

(3) *Nàng Oanh* : Trong truyện Tây-sương nàng Thôi Oanh Oanh là một nàng có cả tài-sắc ở vào đời Đường.

(4) *Tước bộ, xà hành* 雀步蛇行 : bước nhảy-nhót như chim sẻ, đi vắn-vẹo mình như con rắn là những tướng rất hèn, rất xấu.

(5) *Khứng* : chịu, bằng lòng, (tiếng cũ).

(6) *Đưa duyên nhờ gió gác Đăng*. Bởi câu thơ : Thời lai phong 時來風送滕王閣, lúc gặp thời may-mắn, thì làm việc gì cũng dễ-dãi, nhẹ-nhàng như gió thổi qua gác Đăng-vương.

Đành hay con tạo nhắc bằng đồng cân.  
Sau toan cách cự đỉnh tân (1),  
Lại vầy lại hợp cho nhuần sớm khuya.  
Nọ là núi chỉ non thề,  
Bất kỳ nên nghĩa tương kỳ mới hay.  
Đem con sang ở bên này,  
Phòng khi ấm-lạnh đỡ thay cho mình.  
Nơi ăn chốn ở chung-chính (2),  
Chẳng lo khó-nhọc cũng đành ấm-no ! »  
Nàng nghe chàng nói nhỏ to,  
Bây giờ mới kể sự Hồ Quý-Ly :  
« Làm người mang tính hồ-nghĩ,  
Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu (3).  
Vầy-vùng ếch giếng tự kiêu,  
Tham-lam chẳng khác Lý-miêu đời Đường (4).  
Bệ rồng gác phượng tắc gang,  
Quen lòng khuyển-mã toan đường đông thân.  
Nỡ làm đổ quốc (5) hại dân,  
Những phần ích-kỷ nào phần ích ai.  
Rời ra động đất chuyển trời,  
Bây giờ có lẽ đứng ngồi làm thinh.

---

(1) Cách cự đỉnh tân 革鼎鼎新 : Cách và Đỉnh là hai quẻ ở trong kinh dịch, lấy tượng là thay đổi. Cách cự đỉnh tân là đổi cũ thay mới.

(2) Chung-chính : Cùng chung, ở chung (tiếng cũ).

(3) Thấy người cốt-ngạnh chẳng vì chẳng yêu : Không ưa những người cốt-ngạnh là những người trung-trực.

(4) Lý-miêu đời Đường : Lý Nghĩa-Phủ ở đời Đường Cao-tông, trong bụng rất hiểm-độc, nhưng ngoài mặt vẫn làm bộ nhu-mi, người đời bây giờ đặt tên là Lý-miêu, con mèo họ Lý.

(5) Đổ quốc 覆國 : Làm con mọt của nước.



## TRUYỆN TRINH THỦ

Cá ao lẹ nữa cháy thành (1),  
Cũng nhiều cấp (2) phải lánh mình cho hay.  
Sao bằng đình-chủ thiếp nay.  
Ba gian oa-xá (3) thảng ngáy tiêu-dao.  
Chẳng lo đuổi thỏ săn hươu (4),  
Rõng còn uốn khúc ở ao đợi thi.  
Kinh-nghe vui thú kinh-nghe,  
Tép-tôm thi lại vui bề tép-tôm.  
Xem loài bán thỏ buôn hùm (5),  
Thấy mỗi như trĩ bới tham mắc giò (6).  
Thà ăn cây ngáy o o,  
Còn hơn ngay-ngáy ăn bò làm chi (7).  
Chớ quen bán chó mua dê,  
Vui cùng hạc nội ham chi gà lồng (8).  
Sá chi chiều (9) ấy như không,  
Xác vạ luống chịu tiếng trong cõi đời.

(1) Cá ao lẹ nữa cháy thành. Thành môn thất hỏa, hỏa cấp trì ngư 城門失火，禍及池魚：Cháy ở cửa thành vu lây đến cá dưới ao. Lẹ là sợ. Có bản chép là cá ao sợ nữa cháy thành.

(2) Cũng nhiều cấp phải... cấp là kíp.

(3) Oa-xá 窩舍：Cái nhà nhỏ, cũng như cái hang cái lổ, có bản chép là thảo-sa.

(4) Đuổi thỏ săn hươu：Đuổi con thỏ, săn con hươu, chỉ về sự tranh bá đồ vương ở trên đời.

(5) Bán thỏ buôn hùm：Bán con thỏ để mua con hùm, ý nói bỏ sự yên-lành, chuốc lấy sự nguy-hiểm.

(6) Thấy mỗi như trĩ bới tham mắc giò：chim trĩ chỉ vì tham mồi mà mắc bẫy, ví như người ta chỉ vì tham danh-lợi mà mắc tai-nạn.

(7) Ngay-ngáy：dáng-bộ lo-lãng. Có bản chép là：còn hơn phăng-phất ăn bò mà lo.

(8) Hạc nội：Chim hạc ở ngoài đồng ví như người được tự do.

(9) Sá chi chiều ấy... chiều：bề, phương-diện.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Gặp sao hay vậy, bao nài,  
Có chi mà phải nghe ai bấy giờ.  
Chàng rằng : « Hãy được nương-nhờ,  
Bao giờ biến-cải bấy giờ sẽ hay.  
Chưa khi đến nổi cháy mây (1),  
Vội chi mà bỏ chốn này đi đâu.  
Mặc khi báo-ưng nhiệm-mầu,  
Quý-Ly dù có về sau chẳng tuyền.  
Cười rờn (2) ta đã bẽng nguyên,  
Ừng diềm hùng hỷ (3) vậy đoàn gái trai.  
Chước nào ước được như lời,  
Càng đành muôn kiếp ngàn đời chẳng quên. »  
Nàng rằng : « Lời dạy quá nên,  
Song trong lòng nọ đá vàng dăm nguôi.  
Tuy rằng nương-náu ở đời,  
Dường ve gầy-gục, dường giới vớ-vàng.  
Những lo trọn đạo thờ chồng,  
Chồng sao thiếp vậy, kéo càng xấu nhau.  
Hầu mong nát ngọc trầm châu (4),  
Lầu cao chẳng quản giếng sâu chẳng từ.  
Bận vì một lũ con thơ,  
Mong khi cả lớn bấy giờ sẽ hay.

---

(1) *Cháy mây* : gốc ở chữ nhiên mi 燃眉, cháy lông mi, nói về sự cần-cấp ngay trước mặt.

(2) *Cười rờn* 乘龍 thừa long : Cười rờn, chỉ về sự cưới vợ lấy vợ.

(3) *Ừng diềm hùng hỷ* : Kinh Thi : Duy hùng, duy bi, nam-tử chi tường, duy hỷ, duy xà, nữ-tử chi tường, nghĩa là chiêm-bao thấy con gấu, con báo là diềm tốt sinh con trai; chiêm-bao thấy con rắn, con rết là diềm xấu sinh con gái.

(4) *Nát ngọc trầm châu* : Làm cho viên ngọc vỡ, hạt châu chìm, ý nói tự-tử để thủ-tiết với chồng.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Vì đeo thanh nước lòng mây,  
Thì chi chim Việt đồ rày cảnh nam.  
Mấy thu nước mắt chan cơm,  
Lưng canh đĩa muối quả đơm thường lễ.  
Bồi phẫn làm thập nhị chi (1),  
Trong kinh ghi dạy Thủ-bì (2) còn gương.  
Dám dẫu lỗi đạo cương-thường,  
Nghĩa phu-phụ nữ dám đường bội vong.  
Thấy câu phu xướng phu tòng,  
Ghi lời tiên-thánh, dặn lòng đình-ninh.  
Há còn kén cá chọn canh,  
Cơm nem đã trải tay chanh đã từng (3).  
Ơn chàng thương kẻ lỡ chừng,  
Xin đừng dạy tiếng gió trắng nữa rày ẹ.  
Nghe lời chàng mới chau mày,  
Nghĩ rằng tiết ngọc khó lay được nào.  
Dỗ-dành không biết chước sao,  
Vẫn là hồ-hững làm cao với mình.  
Lại bày lời khác rơm tình,  
Đề xem lòng gái tiết-trình kia là :  
« Rày nhân bướm được gần hoa,  
Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhưng (4).

(1) *Thập-nhị chi*, mười hai hàng chi, tí là chuột đứng đầu hàng.

(2) *Thủ bì* 鼠皮 : da con chuột. Thơ Tương-thủ trong kinh Thi nói con chuột còn có da, ví như người ta cần phải có lễ-nghĩa.

(3) *Cơm nem đã trải, tay chanh đã từng* : hai câu này như ở hai câu tục-ngữ. Câu trên ý nói đã từng nuôi chồng ly lâu hàn-vi đi học-hành, nơi xa nhà ; câu sau nói đã từng nuôi chồng khi đau-yếu.

(4) *Thuyền ngư-ông tới doanh mà chẳng nhưng* : Thuyền người đánh cá đã tới doanh nước, lẽ nào lại không chẳng lưới ra để đánh cá.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Chàng Lưu (1) từ sánh ả Hằng,  
Bởi chung gặp-gỡ há rằng rấp-rinh.  
Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh (2),  
Chẳng vì dan-diu, bỏ kinh tông quyền.  
Cầm lành dù chẳng nổi huyền,  
Nghe trong tinh-y còn nên tiếng gì ;  
Bá Nha đã gặp Tử Kỳ (3),  
Bảo sơn ai nữ trở về tay không » (4).  
Nghe lời nàng mới ngán xong,  
Rằng sao quân-tử ra lòng sai-lang.  
Qui dâm (5) ghi lại còn gương,  
Trong kinh giới-sắc sao chàng chẳng răn.  
Tràng Khanh (6) tư ả Văn Quân,  
Tống-sinh (7) dùng gái chủ-nhân chẳng vì.  
Chàng sao chưa tát sông mê,  
Xui ai cải tiết biến nghi sao đang.  
Vi lòng thiếp chẳng đá vàng,  
Thời danh-tiếng ấy nữa chàng để đâu ?

---

(1) *Chàng Lưu từ sánh ả Hằng* : Lưu là Lưu Thần, Hằng là Hằng Nga ; chàng Lưu Thần vào núi Thiên-thai gặp tiên.

(2) *Bạch-viên xưa kết Tôn-sinh* : Trong bộ Tục-thế-thuyết : vượn trắng hóa làm người, lấy Tôn Khất sinh được hai con.

(3) *Bá Nha là người gảy đàn hay*. Chàng Tử Kỳ là người hiểu được tiếng đàn.

(4) *Bảo sơn ai nữ trở về tay không* : Không ai đã vào núi có ngọc báu mà lại trở về tay không.

(5) *Qui dâm* : Tinh rùa đa dâm, người ta thường dùng trong tiếng tục-hoại, như ô-qui, lêu-qui để dùng gọi những hạng dâm-ô, dâm-tiền.

(6) *Tràng Khanh tư ả Văn Quân* : Tư-mã Tương-như tên tự là Tràng Khanh có tư tình với nàng Trác văn Quân.

(7) *Tống-sinh dùng gái chủ-nhân chẳng vì* : Tống Ngọc phải lòng người con gái chủ nhà bên láng-giềng, có làm bài thần-nữ phú.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Chàng nghe thấy nói gặt đầu,  
Rằng : « Anh là kẻ bắt cầu lợi-danh.  
Chớ tin bạch-diện thư-sinh (1),  
Một văn luận thủ (2) mà khinh giá này.  
Xiết bao bướm lũ ong bầy,  
Chẳng quen khoét vách, chẳng hay leo tường(3).  
Dám nào thiết ngọc thấu hương (4),  
Gìn trong danh-tiết lánh đường phiền hoa.  
Vị dù đem thối dâm-tà,  
Mây loan tóc phượng vào ra hiểm gi.  
Tin chim thư cá gửi đi,  
Cũng nhiều nơi rấp nơi vì riêng tày.  
Đắp tai làm mặt chẳng hay (5),  
Những lời hoa-nguyệt xưa nay chưa hề.  
Thấy nàng gái ở có nghi,  
So xem khác giả nữ-nhi thời này.  
Ước nên chút nghĩa nước mây,  
Chẳng mè gì sắc bởi say vì tình.  
Chùa xuân đâu có đánh-hanh,  
Đến vườn cũng bẻ một cành cho cam.

(1) *Bạch diện thư-sinh* 白面書生 : Người học-trò mặt trắng, thông gọi chung hạng học-trò và các nhà văn-sĩ.

(2) *Một văn luận thủ* : Tô Đông Pha làm bài Hiệt-thủ phú tả rõ cái tinh tinh-quái của con chuột.

(3) *Khoét vách leo tường* : Nói chuột khoét thủng vách leo qua tường, nhưng ám-chỉ về sự trai gái khoét thủng bức vách để dòm nhau hay là trèo qua tường để đi theo nhau.

(4) *Thiết ngọc thấu hương* 竊玉偷香 : Ăn trộm ngọc, ăn cắp mùi thơm, chỉ về sự dâm-dầu thâm-vụng.

(5) *Đắp tai* : Bịt tai, có bản chép : Bưng tai làm mặt không hay.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Rời ra đôi ngả bắc nam,  
Dấu lòng thu tưởng xuân tìm được chẳng (1).  
Tinh xuân vi chẳng dãi-dâng,  
Cũng đã mang tiếng rằng rằng bề ngoài (2).  
Dứt lời nàng mới giải-bày :  
« Những điều mặt dạn dày khó coi.  
Vườn xuân chàng sẵn có nơi,  
Nguyệt-hoa sao nữ ép-nài như ai.  
Bây giờ rừng mặt vách tai (3),  
Việc trong mới rắp kể ngoài đã hay.  
Vàng trắng đã ngả về tây,  
Đề cho thiếp trở về rày với con.  
Đường trường trở cách nước non,  
Lũ hải (4) tưởng nó hãy còn thơ-ngây.  
Nề lời quanh-quất mãi đây,  
Hoặc người về đó lời này tiếng kia (5).  
Lại càng đại dảng nga-mi,  
Trăm năm danh-tiết xương tủy sao đang.  
Vi đem tang-bộc (6) thời thường,

(1) *Dấu lòng thu tưởng xuân tìm được chẳng* : Thu tưởng xuân tìm : Mùa thu tưởng nhớ, mùa xuân đi tìm, ý nói những sự mong-ước hão, không bao giờ thành được sự thực.

(2) *Cũng đã mang tiếng rằng rằng bề ngoài* : Bề trong tuy chưa có gì, nhưng bề ngoài đã mang tiếng rồi. Có bản chép : Cũng đã mang tiếng lảng-nhãng bề ngoài.

(3) *Rừng mặt, vách tai*. Có bản chép rừng mạch vách tai.

(4) *Lũ hải* : Lũ hải-nhi, lũ trẻ con.

(5) *Hoặc người về đó lời này tiếng kia* : tiếng người, ở đây chỉ vào vợ chuột đực.

(6) *Tang bộc* : Tang gian 桑間, trong bãi dâu ; *Bộc thượng* 井上 : Trên bờ sông Bộc, chỗ trai gái hẹn-hò nhau. Tên hai bài hát ở trong kinh Thi làm ra để chế thói dâm-bôn.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Xưa nay dạ sắt gan vàng như không ».  
Biết rằng nàng chẳng chuyên lòng,  
Bấy giờ chàng mới nói sòng họa may :  
« Vốn người chính thất nhà này,  
Trâm-anh lĩnh-tộc (1) xưa nay vẫn là.  
Đàn-bà ấy mới đàn-bà  
Ngọt-ngào có một, sai-ngoa chưa từng.  
Chiu chồng khuya sớm nô-nang,  
Phải chăng chẳng dám cạy răng một lời.  
Ra vào bất tiếng ngậm hơi,  
Một mình săn-sóc hôm mai nhọc-nhần.  
Muốn cho được kẻ đỡ-đần,  
Quan-quan hảo điều (2) muôn phần những mong.  
Chẳng như kẻ bắc người đông,  
Ghen-tuông vì nổi chồng chung nồng-nàn.  
Cát leo cù-mộc (3) rắp toan,  
Xích-thăng xui khéo tạo-đoan một niềm.  
Được nàng làm chị làm em,  
Cùng ăn, cùng ở, chẳng hiềm giận chi.  
Nàng rằng : « Chàng dạy thế thì,  
Phụ-nhân đồ-ky xưa kia còn lời.  
Phương-ngôn câu ví đề đời,

(1) Trâm-anh lĩnh-tộc 簪纓令族 : Trâm là cái trâm chỉ đầu. Anh là cái đai mui, chỉ chung về bậc khoa-hoạn. Lĩnh-tộc của họ danh tiếng.

(2) Quan quan hảo điều : Chim tốt tiếng kêu êm-dịu. Kinh Thi thơ « quan quan thư-cư », chim thư-cư tiếng kêu êm-dịu vì như Chu-bậu khi đức-linh hòa-thuận, bao-dung mọi kẻ ti-thấp.

(3) Cát leo cù-mộc : cát là một thứ cây leo, cù-mộc là cây leo. Kinh Thi : nam-hữu cù-mộc, cát-lũy oanh chi : phương nam có cây tơ, dây cát-lũy tựa vào mà leo lên, nói ví người vợ lẽ như người vợ cả che-chở.

Nhường cơm nhường áo để ai nhường chông ?  
Hiếm chi trong chốn non sông,  
Thiên-hương quốc-sắc như bông hoa đèn (1).  
Sá chi nửa cánh hoa tàn,  
Tình kia ý nọ bàn-hoàn nửa chi.  
Thiên cao mà lại thỉnh ti (2),  
Trên đầu chẳng nghĩ còn thì có ai.  
Cổ lòng ép trúc nài mai,  
Mượn dao thiếp quyết một bài cho xong. »  
Bấy giờ kinh-sợ hãi-hùng,  
Bát-trần (3) chàng mấy giải lòng cho qua.  
Rằng : « Nàng may lại tới nhà,  
Tiền đưa một tiệc gọi là cổ tri.  
Dầu rằng đưa muối chó nê,  
Còn thừa nàng phải đưa về cho con.  
Gọi là của khác nước non,  
Đưa ra mọi thứ miếng ngon mỹ-hào (4).  
Nem lân, chả phượng, yến sào,  
Đàn con chưa dễ biết bao mùi này ».  
Trình rằng : « Nhà thiếp xưa nay,  
Ngày nào cũng phải như ngày thanh-minh (5).  
Vả trong cương tỉnh phong thanh (6),

---

(1) Có bản chép : thiên-hương quốc sắc nào-nùng chiếu dăm.

(2) Thiên cao mà lại thỉnh ti 天高聽昇 : trời ở cao nhưng nghe thấp, nghĩa là sự hay-dở ở thế-gian trời đều biết cả.

(3) Bát-trần : tám món đồ nấu quý lạ.

(4) Mỹ-hào : đồ ăn ngon.

(5) Thanh-minh : một tiết trong mùa xuân, ta lấy tiết này làm ngày đi tảo mộ, ở đây có ý nói là vắng-vẻ buồn-tẻ.

(6) Cương tỉnh phong thanh : Cương là bờ-cối, tỉnh là giếng nước, biểu là làng-xóm, phong là phong-tục, thói-nếp, thanh là thanh-danh, tiếng-tâm : nghĩa là thói-nếp tiếng-tâm ở chỗ làng-xóm.



---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Giang-sơn một giải triều-đình tri danh (1).

Mở-mang trời cũng có mình (2),  
Lẽ nào dám để thường tình cười chê.

Xin thôi cho thiếp trở về,  
Ơn chàng non núi để thi đền sau ».

Rằng : « Bây giờ chưa thấy đâu,  
Chẳng là rồi đến mai sau tích gì.

Cho hay rằng thói nữ-nhi,  
Biết chẳng chỉ có một bề mà thôi ».

— « Chàng sao khéo nói nên lời,  
Hoa kia nguyệt nọ ra người phải ru ? »

Bây giờ trong dạ oán-thù,  
Lặng ngồi chàng mới nghĩ cho rạch-ròi :

Như ta cứu nạn cho rồi,  
Cũng nên ơn nặng muôn đời chờ sao.

Thế mà nhiều, nổi ước-ao,  
Thấy nào trả nghĩa, thấy nào trả ân.

Khôn-ngoaan rất mực hồng-quần,  
Tại bình (3) mà nói dối dần cũng xuôi.

Nghĩ thương thân-phận lạc-loài,  
Chồng con nào có biết ai hay là.

Trông người ra cách phong-hoa,  
Thế mà những thói dâm-tà thời không.

Hay buồn (4) lý bắc lân đông,

---

(1) Tri danh : biết tiếng.

(2) Thiên-sinh ư Tí : Trời mở ra từ hội Tí ; Tí là tượng con chuột, cho nên nói là : mở-mang trời cũng có mình.

(3) Tại bình : nữ-lữ tại bình : người con gái ngồi trong bình-phong, nghĩa là ngồi một chỗ, không bước chân ra ngoài.

(4) Lý bắc lân đông : bên bắc làng, bên đông làng-giềng. ý nói người chỗ này người chỗ khác.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Cho nơi cốt-cách mà lòng chẳng yêu.  
Nay ta nói đã đến điều,  
Chẳng lay tiết ngọc, chẳng xiêu lòng vàng,  
Tinh rằng khuyên-dỗ lấy nàng,  
Đỡ khi chim cá, tiện đường chung-tư (1).  
Nghĩ mình là kẻ văn-thư,  
Đầu-duôi nghĩ lại mà dơ-dáng đời.  
Thôi thì thôi cũng chịu thôi,  
Kiếm đường chữa thẹn mấy lời cho qua :  
« Thiềm-cung (2) bóng đã tà tà,  
Khuyên rằng mau trở lại nhà với con.  
Nhưng lời ban tối nỉ-non,  
Thấy nàng có dạ sắt-son thử tình,  
Trắng hoa coi những làm thình,  
Có trời hẳn biết cho mình mà thôi.  
Vi dù đây cũng như ai,  
Ép tình cá nước phải nài-nắm chi (3).  
Nàng hay nói quái nói kỳ,  
Xưa nay âm thịnh dương suy thương tình (4).  
Khen cho một dạ kiên trinh,  
Dẫu rằng nghiêng nước nghiêng thành dễ đâu.  
Xin đừng dễ tiếng cho nhau,  
Cành hoa còn giữ được màu tại ta ».  
Thưa rằng : « Thân-phận đàn-bà,  
Trông ơn đã được khỏi qua nạn rồi.

---

(1) *Chung-tư* : tên một bài hát trong Kinh Thi, chung-tư là con bọ ngựa, sinh nhiều con.

(2) *Thiềm-cung* : cung con thiềm-thứ, tức là mặt trăng.

(3) Có bản chép : lấy điều củ-củ phải nài-nắm chi.

(4) *Âm thịnh, dương suy* : khí âm thịnh, khí dương suy, ý nói đàn-bà hơn đàn-ông.

Đức dày đành trả muôn đời,  
Nghe lời thiếp phải liệu lời kêu ca.  
Ơn dày trả nghĩa trắng hoa (1),  
Lại là nghiệp-chương lại là trái duyên.  
Xin chàng nghĩ lại chớ phiền,  
Đừng hồ-nghi nữa thiếp xin trở về ».   
Bấy giờ sắp-sửa ra đi,  
Vợ chàng lo-lắng việc chi đã về (2).  
Thấy chàng đưa tiễn đề-huê (3),  
Ngâm thơ mà giải lòng quê kéo nặng (4).

*Thơ rằng :*

« Non sông cách trở vững ba thu,  
Giấc bướm mơ-mòng núi vọng-phu.  
Khen kẻ rắp cùng gan phượng chạ,  
Trách chàng toan tuốt ruột tằm khô.  
Một niềm dạ sắt in văng thỏ,  
Mấy lúc lòng vàng chỉ bóng ô.  
Chân-gối lẻ-loi đã mấy tối,  
Mà lòng đã nở thể kia ru ! »

*Chuột bạch tức ý họa rằng :*

« Danh-tiết kia mà biết mấy thu,  
Nghe quyền khoắc-khoải tiếng tư-phu.  
Mây ngai hoa ừ sâu khôn tả,  
Má phấn châu rơi giọt chẳng khô.

---

(1) *Ơn dày trả nghĩa trắng hoa* : lấy sự tình-dục mà đền lại ơn nghĩa.

(2) *Có bản chép* : vợ chàng đầu bồng liền về tới nơi.

(3) *Có bản chép* : thấy chồng đưa tiễn một người.

(4) *Có bản chép* : tức mình thơ-thần một bài liền ngâm.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Chút nghĩa đã nguyên vàng ngọc-thỏ,  
Tấm lòng phỏ mặc bóng kim-ô.  
Thâu đêm mang tiếng rằng kia nọ,  
Dạ sắt gan vàng dễ biết ru ! »

Họa thi rồi tạ lấy lòng.  
Giãi-bày có cả vợ chồng cùng nghe :  
« Gặp cơn sóng gió bất kỳ,  
Nhờ ơn cứu-vớt đêm khuya nặng tình.  
Có nhà chị cũng như anh,  
Người ta ai cũng lòng lạnh như ai.  
Đề chừng bắt bóng dong-dài,  
Đá mòn đã vay, miệng người thì sao ?  
Xưa nay danh-giá thế nào,  
Vi tôi một chút ra vào cho nên.  
Phải chăng chị đề em xin;  
Bận lòng lo-lắng giang-sơn nổi nhà ».   
Bây giờ nàng đã bước ra,  
Liệu điều chàng cũng giải hòa cho xuôi.  
Nàng rằng : « Trong bấy nhiêu lời,  
Rào sau đón trước cho ai đó mà.  
Chẳng tư túi, chẳng trắng-hoa,  
Tội chi mà thiết việc nhà người đứng ».   
Tia tai đỏ mặt bừng bừng,  
Vật mình nàng lại vang-lừng nói ra :  
« Cớ chi thiếp mới vắng nhà,  
Đã lòng như nguyệt quuyến hoa tươi-bời.  
Vừa lòng thích ý thì chơi,  
Nhà này còn có xem ai ra gì ?  
Cửa-nhà lo-lắng sớm-khuya,

Sương se mạ cạn đi về xiết bao (1).  
 No cơm thì rửng hồng-mao (2),  
 Dục hà dục hĩ muốn sao thì làm.  
 Ai ngờ mặt sứa gan hăm,  
 Rắn toan gà luộc rượu tắm thỏa lòng.  
 Khác nào như nhện đánh vòng,  
 Éch kia trong giếng còn mong kẻ dõ.  
 Đói thì đầu gối biết bò,  
 No cơm ẩm cát còn lo-lãng gi.  
 Chẳng thương đến nỗi thê-nhi,  
 Tìm mỗi khuya sớm đã đi đỡ chàng.  
 Trở về vừa đến đầu tường,  
 Thấy con muông đứng cửa hang nó rình.  
 Đã lâu nghe vắng phong thanh,  
 Ngậm hơi như thóc đem mình về đây.  
 Lại e lũ khỉ buông dây (?),  
 Đến nhà nên nổi nước này mà thương ».  
 Ghén-tuong nhiều tiếng dờ-dương,  
 Chàng van như cốc, bày tường đầu đuôi.  
 — « Canh khuya chưa nhấp (3) còn ngồi,  
 Lại vì vắng-vẻ thức coi cửa-nhà.  
 Bỗng nghe ngoài chốn tường hoa,  
 Tiếng con muông (4) sủa từ xa lại gần.  
 Chút vì (5) nằng mõi lỗ chân,  
 Hoặc khi muôn một trở ngăn đường nào.

(1) *Sương se mạ cạn đi về xiết bao* : sương là ruộng gieo mạ, sương se là ruộng hết nước, ý nói làm-lụng đi về vất-vã.

(2) *No cơm thì rửng hồng-mao* : cũng như no cơm ẩm cát, dâm-dật mọi nơi.

(3) *Nhấp* : ngủ.

(4) *Muông* : con chó.

(5) *Chút vì* : sợ rằng.

Song nga (1) chưa biết làm sao,  
Bồi-hồi gan vượn (2) xôn-xao khúc tằm.  
Thập-thò hầu rắp ra thăm,  
Thấy nàng Bạch-thử đậm-sằm vào hang.  
Dữ lành hai lẽ chưa tường,  
Giắt tay đã bảo có đường tìm ra.  
Nói rằng trong nghĩa lân-gia,  
Phải con muông đuổi thể sa đường cùng.  
Một mình thân gái long-dong.  
Dám xin cứu nạn ơn lòng chẳng quên.  
Một làm phúc, hai làm duyên,  
Chẳng nề cho ở một bên hẹp gi.  
Vừa ngồi một chốc lại đi,  
Há rằng có ý-từ gì cùng ai.  
Có sao gieo (3) nặng những lời,  
Nghe ra chẳng chút vào tai cũng phiền ! »  
Nàng rằng : « Sự đã quả-nhiên,  
Nào ai nói đặt cho nên đoan-trường.  
Vợ con vừa bước ra đường.  
Ở nhà thắc-mắc lo-lường đứng trông.  
Phỏng rằng cây da cây lông,  
Thể thì đổ gái về phòng làm chi ?  
Ngửa-nghiêng như ốc biết gì,  
Bật ngay tấn-hấn dường dè mắc sừng.  
Thôi thôi chẳng lọ nói-nặng.  
Dấu voi ruộng rạ nghĩ rằng kìa thay.

---

(1) Song nga : phân-vân bên nọ bên kia, chưa rõ ra thể nào.

(2) Bồi-hồi gan vượn : con vượn có tính hay ngờ hay sợ.

(3) Có bản chép là dè nặng.

(4) Thắc-mắc : không ngồi yên.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Hang hầm ai dám móc tay,  
Chuột nào lại dám cắn dây buộc mèo.

Ất là toan rắp thế nào,  
Không dung ai có hồng theo về nhà.

Ruồi kia một phút bay qua,  
Biết là đực cái lọ là sự ai (1).

Ở trong chưa tỏ bằng ngoài,  
Dễ mà ăn cáy bụng tai được nào (2).

Mé-say chìm-đắm má đào,  
Như mèo thấy mỡ khát-khao thật là.

Già chẳng thương (3), trẻ chẳng tha,  
Khác nào như ếch thấy hoa thì vồ (4).

Thuồng-luồng ở cạn có ru,  
Mà toan bắt-chước đưa ngu sờ-sờ.

Chiếu-chấn nào có hững-hờ,  
Mà như voi đối thì vợ dong-dài.

Quen mùi bạn khác ăn chơi,  
Có ngày cũng được như ai ghẻ tàu (5).

Bấy giờ khốn khổ cho nhau,  
Miệng kénh gọi chó, tay mau đuổi ruồi (6).

Vì dù lắm phải vợ ai,  
Giòng sông bè chuối mới hay cho đời.

---

(1) Hai câu này ý nói là người tinh ý, không cái gì che mắt được.

(2) Ăn cáy bụng tai : ăn cáy hay ngứa tai, phải gãi, ý nói sự thật không dấu được.

(3) Thương : ở đây có nghĩa thương-hại.

(4) Ếch thấy hoa : ếch vồ hoa dâm bụt, nói người tham.

(5) Ghẻ tàu : bệnh dương-mai.

(6) Câu này nói người có bệnh dương-mai, miệng thì suýt-non kêu đau, tay thì xua ruồi, vì lở-lỏi bần-thiêu.

Sáng tai họ, diếc tay cày (1),  
Mà lòng lại tưởng đến người đào thơ.  
Những mong lại có bao giờ,  
Che khuây-khỏa dạ kẻ mơ-mẩn tình.  
Vi không duyên nợ ba sinh,  
Nàng sao gặp nổi bất bình tới đây ?  
Nghĩ càng như tỉnh như say,  
Mặt như đầu lợn nhìn thầy tro-trơ (2).  
Nàng ngờ phải thuốc phải bùa,  
Ve sầu xác rữ (3) nó cho ăn quàng.  
Cho nên thơ-thần vô-vàng,  
Tìm lươn cho kíp cháo thang già-giùng.  
Kéo lòng to-trưởng mơ-mòng,  
Khởi hồn Thục-đế, khởi lòng Đỗ-quyên.  
Bấy giờ tỉnh-nết đã quen,  
Chắc rằng cua lỗ khó lên trên trời.  
Nàng rằng bắt chạch đang đuối,  
Kiện vô-chứng có khôn đời đôi-co.  
Nguyên viết hữu, bị viết vô,  
Minh đơn so với duyên-do thế nào.  
Nó thời nhất hướng tại đào,  
Đi lên rừng biết đường nào truy-đương (4).  
Vô tang tích-tịch tình-tang,  
Khôn làm lý-đoán cho tường được đầu.

---

(1) *Sáng tai họ, diếc tay cày* : con trâu lười, khi người bảo nó nghỉ thì nó nghe ngay, khi người bảo nó cày thì nó lờ đi như diếc, ý nói người không thích làm chỉ thích chơi.

(2) *Đầu lợn nhìn thầy* : mặt đần ra như đầu lợn lúc nhìn thầy cúng.

(3) *Ve sầu xác rữ* : xác ve sầu và xác con quế là thuốc bùa mê.

(4) *Truy-đương* : là tiếng việc quan, nghĩa là bắt bồi bắt đền.



---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Rằm nhà tiếng hỏi lao-xao,  
Ai hay rằng sự dẫu dẫu hờ đỏi.  
Vẫn còn thêm thịt thêm xôi,  
Ngày thường cơm tẻ thiếp nuôi lệ gì.  
Có cãi rằng qui dịch thê (1),  
Gái này chẳng dám năn-ni thương-yêu.  
Già rồi lặn-cạn bỏ liêu,  
Sá chi vủ ếch lung eo sồ-sề.  
Chẳng ưa cà chín bầu già,  
Tuổi đã dư lạp (2) lịch đã quá niên (3).  
Có trắng nên nổi phụ đèn.  
Chẳng ngon thê sốt, thời liền hén hơi,  
Cười ra nước mắt hồ người,  
Khen ai khéo đặt nên lời ví xua :  
Còn duyên kẻ đón người đưa,  
Hết duyên vắng ngắt như chùa bà Đanh (4).  
Thế-linh chuộng lạ tham thanh,  
Thân tiên thân cú ra tình xấu chơi.  
Cầu-nôm đồng thủng lạ đời (5),  
Kéo còn nhọc xác một người xông-pha.  
Cắn đuôi tha trứng gần xa (6),

---

(1) *Qui dịch thê* : sang thì đổi vợ.

(2) *Dư lạp* : qua tháng chạy, tức là hết xuân.

(3) *Quá niên* : quá tuần tuổi trẻ.

(4) *Chùa bà Đanh* : tương truyền chùa bà Đanh thiêng lắm, ít người dám đi qua.

(5) *Cầu-nôm đồng thủng lạ đời* : câu hát cổ : đồng thủng lại về Cầu-nôm, vì làng Cầu-nôm là làng đúc đồng cho nên dù đồng thủng nát đến đâu cũng đem về làng ấy cả, ở đây nói ví bao nhiêu cái xấu cũng đổ cả vào một người xấu.

(6) Câu này nói đi kiếm ăn vất-vả, khi chuột tha trứng, một con ôm quả trứng vào bụng, nằm ngửa ra, một con cắn đuôi kéo đi.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Cái thân tất-tả như bà đánh ong (1).  
Dạ-tràng xe cát luống công (2).  
Tò-vò nuôi nhện há mong cây nhờ (3).  
    Ít lời chẳng muốn nói ra,  
Những điều chàng ở ắt là chẳng quên.  
    Chèn nhau từng cạnh cho nên,  
Trong bàn (4) đã phỗng tay trên nực cười.  
    Tỏ-tỏm kia thực là tài,  
Cửu vạn bát sách chờ hoài bán chi (5).  
    Âm-dương bác cục được thì (6),  
Cứ chi đừng hậu cứ chi lối lẽ » (7).  
    Chàng rằng : « Lời nói cũng kỳ,  
Kể khoan kể nhất thói quê thường tình.  
    Tiếng chua hơn nửa vắt chanh,  
Toan đường tầm-ngải lẩn cảnh được sao (8)  
    Ta đây dễ nạt được nào,  
Chẳng như kẻ quặp râu vào (9) rẽ-roì.  
    Cũng toan niu-náu cho rồi,  
Càng ngày càng một tỏ ọi những màu.  
    Cầm đầu mà chịu vuốt râu,  
Đã-cầm như ngựa cầm tàu (10) mấy phen.

---

(1) *Tục-ngữ* : tất-tả như bà đánh ong, ý nói luống cuống rối-rít.

(2-3) Hai câu này ý nói làm mất công không.

(4) *Bàn* : bàn tỏ-tỏm.

(5) *Bán chi* : chi-chi.

(6) *Âm-dương bác cục* : bàn sóc-đĩa.

(7) *Đừng, hậu* : tiếng trong sông sóc-đĩa, đừng là khôn nhẩy, hậu là đang nhẩy, lại đứng lại một tiếng.

(8) *Tầm-ngải* : cây tầm-gửi.

(9) *Quặp râu vào* : người sợ vợ.

(10) *Ngựa cầm tàu* : ngựa bị giam ở trong chuồng.

## TRUYỆN TRINH THỦ

Giống lừa ưa nặng đã quen,  
Thôi đừng đức-lác huyền-thuyền tít mù ».   
Bấy giờ nàng lại tri hô,  
Sấn quần sấn áo thập-thò cửa hang.  
Rằng : « Đà mang tiếng tao-Rhang,  
Những nhờ rẽ mạn rẽ bàng (1) cùng nhau.  
Bấy giờ nên nổi cơ cầu,  
Bà làm cho tỏ ra đầu ra đuôi. »  
Miệng thời thở ngắn thở dài,  
Tìm đường thăm lối kịp dời lân-dông (2).  
Cửa hang chuột bạch tới gần,  
Đã phần sỉ-vả lại phần mĩa-mai.  
Chuột bạch đỏ mặt tía tai,  
Hỏi rằng : « Ai đẩy mắng ai chốn này. »  
Con này chưa biết hà đây,  
Lại toan tiếng nọ lời này đành-hanh ».  
Con mèo thũng-thỉnh góc thành,  
Đến xem tranh-dấu ra tình làm sao ?  
Hai bên hòn lặc phách xiêu,  
Trèo non nhảy núi ra chiều lao-đao.  
Lạ đường chuột cái sa ao,  
Thực là báo ứng trời nào có xa.  
Bạch thời chạy được về nhà,  
Bước qua cổng gạo liền sa mình vào.  
Ngắm xem báo ứng kịp sao,  
Hồ-sinh đứng nấp tường đào thử trông.  
Thấy con chuột cái vẩy-vùng,

(1) *Rẽ mạn rẽ bàng* : tình-ngĩa quấn-quít với nhau như rẽ mạn rẽ bàng.

(2) *Lân-dông* : làng-giềng làng đông, ở đây chỉ về hang chuột bạch.

Trên bờ mèo chực, những mong ra chào.  
 Hồ dơ tay, mới đuổi mèo.  
 Vén quần lội xuống cán bèo vớt lên.  
 Ráo lòng tỉnh dậy vừa an,  
 Cúi đầu mà lạy khoan khoan trình-bày :  
 « Thiếp nay là phận thơ-ngây,  
 Phải chông ruồng-rẫy tới đây gặp nàn.  
 Ông ông cứu được thân tàn,  
 Thỉa công-đức ấy muôn vàn xiết đầu.  
 Nhờ ông lượng bề cao sâu,  
 Hẳn cơ tạo-hóa quên đầu kẻ hiền. »  
 Sinh rằng : « Những tình hay ghen,  
 Hễ là già néo ắt liền đứt dây,  
 Rõ-ràng kẻ nói cho hay,  
 Ban khuya chuột bạch tới đây tìm mồi.  
 Phải con muông đuổi một thôi,  
 Vào hang mây ần, an rồi lại ra.  
 Lạ gì gái đẹp đến nhà,  
 Chông mẫy cũng muốn lán-la với tình.  
 Song le phải gái kiên trinh,  
 Ra chiều khôn lẽ đổ-dành lại thôi.  
 Ngươi về chưa tỏ đầu đuôi,  
 Máu ghen nghiêng-ngâm nói lời éo-le.  
 Dẫu rằng đức phật từ-bi,  
 Ất là cũng giận huống gì chông ngươi.  
 Há rằng việc ấy bởi ai,  
 Mình làm mình chịu trách mình sao nên.  
 Tính hay bạo hổ (1) đã quen,  
 Dám tìm chuột bạch đánh ghen tận nhà.

(1) Bạo hổ : Luận-ngữ : bảo hổ hăng hà : bắt hổ và lợi qua sông tay không, ý nói những người bạo-ngược nóng-nảy.

Lại làm xấu bọn đàn-bà.  
Oan lòng tiết-phu nghĩ đã phải chưa ».  
Nàng vâng nghe biết sau xưa,  
Rằng ơn ông dạy bây giờ mới hay.  
Mấy lời nghĩ lại bỏ thay.  
Trắng kia đã khuyết khôn xoay được tròn.  
Trót đã cả giận mất khôn,  
Bây giờ cần rốn (1) lại còn được ru ».  
Liệu lời sinh mới dạy cho,  
Lấy đường khuyên-giải điền-mô (2) mọi lời.  
« Việc này con-có vì người,  
Liệu về nói đỡ chồng người thì là.  
Muốn cho yên cửa yên nhà,  
Chẳng gì hơn ở thuận-hòa cùng nhau.  
Để ai đội áo qua đầu (3),  
Sao không nghĩ trước nghĩ sau cho tày.  
Ái-ân là nghĩa nặng thay.  
Vợ chồng há phải một ngày rồi quên.  
Ở đời vô sự là tiên,  
Mà điều yên-đẹp hơn bên cục-cần.  
Trót đã cùng chiều cùng chẵn,  
Lẽ nào con nhện mấy lần vương tơ.  
Tính sao như thề nước cờ,  
Nghĩ cho một phải hai vừa thời thôi.  
Chớ toan những sự tranh-phôi (4),

---

(1) Cần rốn : bởi chữ phê tề 嗾 騾 dịch ra, nghĩa là hối-hận.

(2) Điền-mô : những điều khuôn-mẫu, những lời khuyên-bảo.

(3) Đội áo qua đầu : vì người làm việc trái ngược,

(4) Tranh-phôi : tranh-giành.

Bơi bè ra bộ, tanh-hôi cửa-nhà.  
Đàn-bà như hạt mưa sa,  
Gặp sao hay vậy biết là đâu hơn.  
Dầu chổng trăm giận nghìn bôn,  
Cũng nên bầm bụng van-lơn đỡ-danh.  
Một câu nhịn, chín câu lành,  
Chớ hề tạt-đổ cây mình cây công.  
Mới là phải đạo xướng tòng,  
Chiu người lấy việc, chiu chổng lấy con.  
Cơm chẳng lành, canh chẳng ngon,  
Rang-rang (1) thôi hết khéo-khôn đàn-bà.  
Mèo lành ở mả đâu là,  
Của yêu đâu có bày ra ở ngoài.  
Thôi đừng đua sức thi hơi,  
Há rằng ba chốn bốn nơi được nào.  
Tránh voi xấu mặt hay sao,  
Hãy xem sứa vượt được nào qua đặng (2).  
Làm chi mặt vượt, mặt lẳng (3),  
Dứt dây chẳng sợ động rừng kia ru.  
Thi bơi với giải (4) thời thua,  
Đàn-bà đâu có tranh-đua cho đành.  
Kíp lo an cải dữ làm lành,  
Ắt là sum-họp yến-anh một nhà.

---

(1) Rang-rang : tiếng người ngoài chê cười.

(2) Tục-ngữ : sứa nào vượt được đặng, đặng là hàng rào cấm vòng-vòng ở dưới nước để bắt cá, con sứa là vật không biết lội, bị nước đẩy vào trong đặng thì vượt qua được, ở đây ý nói vợ không vượt được chổng.

(3) Mặt vượt, mặt lẳng : người có vẻ mặt lăm lăm như mặt cá vượt, cá lẳng.

(4) Giải : là một loài giống như ba ba và to, lặn rất lâu.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Dịu-dàng phải phép đàn-bà.  
Chẳng thời chua xót lệ sa ròng ròng. »  
Nàng vâng lời dạy ghi lòng,  
Trở về van lạy cùng chồng đảm sai,  
Hồi-sinh về chốn thư-trai (1)  
Giở nghiên-bút mới ghi lời kéo quên.  
Nào ngờ vi-vật chính-chuyên,  
Rằng chê rằng cũng nên khen lệ gì.  
Cũng hay trinh-tiết giữ nghi,  
Vật còn dường ấy hưởng chỉ là người.  
Ai hay đen bạc hiển dời,  
Tuy người chẳng biết nhưng trời đã hay.  
Nhưng người mặt dạn mày dày,  
So xem ắt cũng chẳng tài muông dè.  
Nhu lòng chuột đực khá chê,  
Toan đường quẩn-rũ dạ mê đạo lành.  
Ấy là chuột bạch chí thành,  
Vi dù nó chẳng tiết-trinh ra gì.  
Thấy chung quả-phụ nhân nghi,  
Chẳng khuyên đường chính mà mê thói tà.  
Vậy nên eo-óc cửa-nhà  
Chẳng nhưng chỉ trách đàn-bà ngon ghen (2).  
Khá khen chuột bạch trinh kiên,  
Trắng hoa chẳng tưởng, giữ-gìn tấm son.  
Dấu răng đá lở non mòn,  
Tấm lòng tạc sắt ghi son chẳng dời.  
Gặp cơn nhăm chồn sa vơi.  
Chẳng tham chịu-đãi nghe lời bướm-ong.

---

(1) *Thư-trai* : nhà học, nhà đọc sách.

(2) *Ngon ghen* : hay ghen, thích ghen.

---

## TRUYỆN TRINH THỦ

---

Mặc ai cợt-diệu thử lòng,  
Gan vàng chẳng chuyển chẳng long chút nào.  
Đương cơn gặp bước lao-đao,  
Thế mà vẫn được ra vào ăm-no.  
Khá chê chuột cái đại-rồ,  
Chồng đi hoa-nguyệt chẳng cho được nào.  
Phải điều khuyên-dỗ thấp cao,  
Cớ chi đề-nén sông giao cây mình.  
Lâm trai ba bảy mới xinh,  
Tài nào mà giữ một mình được ru !  
Cả ghen nên nổi cay-chua,  
Chồng ruồng-rẫy, phải sa hồ càng thương.  
Người xưa câu ví còn gương,  
Đàn-bà cả tiếng, tan-hoang cửa-nhà.  
Sự này dù thực dù ngoa,  
Ghen-tuông thì cũng người ta thường tình.  
Xét-xem giống vật cho tinh,  
Mà cơ báo-ứng rành-rành chẳng sai.  
Huống chi là đấng làm người,  
Thừa lòng cho chính nào trời phụ ai (1).  
Tóc-tơ một chút chẳng sai,  
Vậy nên làm chuyện đặt vài lời hoa.  
Khi rồi, ai muốn ngâm-ngã,  
Gọi là theo thói nôm-na dối truyền.

== CHUNG ==

---

(1) Có nhiều bản không có hai câu này.



# NHÀ XUẤT - BẢN TÂN VIỆT

sáng-lập năm 1937



với sự hợp-tác của các học-giã và  
nhà-văn-danh-tiếng Trung, Nam, Bắc:

đã xuất - bản trên 850 thứ  
sách chia ra làm nhiều loại.

Hiện còn những thứ mới

## I. — SÁCH GIÁO-KHOA — TRUNG-HỌC

### A. — LOẠI BIÊN-KHẢO VÀ PHIÊN-DỊCH

1. — *Việt-Nam Sử-Lược* của Trần trọng Kim (lần thứ năm)  
(Nam-Việt 150đ. — Ngoài Nam-Việt 160đ.)
2. — *Việt-Nam Văn-Phạm* của ba ông :  
Phạm Duy Khiêm Bùi Kỳ và Trần trọng Kim.  
(Lần thứ 7 — in trên giấy trắng — Nam Việt 55đ. —  
Các nơi 60đ.)
3. — *Quốc-Văn Cự-Thể* của Ưu-Thiên Bùi-Kỳ  
(Lần thứ ba — giá Nam-Việt 42đ. — Các nơi 45đ.)
4. — *Việt Thi* của Trần trọng Kim  
(Sắp có bán — lần thứ 2)
5. — *Đường Thi* của Trần trọng Kim  
(Đang in — lần thứ 2.)
6. — *Tiêu-Học Việt-Nam Văn-Phạm* của Trần trọng Kim  
Bùi Kỳ, Nguyễn quang Oánh (in lần thứ ba)  
(Giá 22đ. — Ngoài Nam-Việt 24đ.)
7. — *Sơ-Học Luân-Lý* của Trần trọng Kim  
(Giá 23đ. — Ngoài Nam-Việt 26đ.)
8. — *Việt-Nam Thi-Văn Giảng-Luận*  
của Hà như Chi — Giáo-sư trường Quốc-học Ngô  
đình Diệm — Huế.  
(Dùng trong các lớp Đệ-ngũ và Đệ-tam Trung-học)  
*Tập ★* (Từ khởi-thì đến cuối thế-kỷ 18). Gồm có  
những luận-đề về : Ca-dao và Tục-ngữ — Truyền  
Trình Thử — Truyền Trê Cóc — Nguyễn Trãi — Vua  
Lê Thánh-tông — Nguyễn bính Khiêm — Nguyễn  
Hãng — Lê quý Đôn — Đoàn thị Diễm — Ôn như  
Hầu — Nguyễn huy. Tự — Lê-thị Ngọc-Hà  
(Đang in — lần thứ 3.)

**9. — Việt-nam thi-văn giảng-luận**

*Tập* ★ ★ (Thế-kỷ thứ 19). Gồm có những luận-đề về :  
Nguyễn Du — Hồ xuân Hương — Bà huyện Thanh  
Quan — Nguyễn công Trứ — Cao bá Quát — Cao  
bá Nhạ — Phan huy Vịnh — Nguyễn đình Chiếu —  
Tôn thọ Tường — Chu mạnh Trinh — Nguyễn  
Khuyến — và Trần tế Xương.

(In lần thứ hai — Giá Nam Việt 120đ — các nơi 130đ)

**10. — Việt-nam văn-học giảng-bình** của Phạm văn Điều  
giáo-sư trường Trung-học Khải Định — Huế  
Một khoa-bản đáp-ứng mọi mong chờ của các bạn học-  
sinh Đệ-tứ và Đệ-nhi chuyên khoa.

(Giá 50đ. — Ngoài Nam Việt 55đ.)

**B. — LOẠI CỜ VĂN CHÚ-THÍCH**

**1. — Truyện Thúy Kiều** của Nguyễn Du  
do Bùi Kỳ và Trần trọng Kim hiệu-khao  
(in trên giấy trắng giá N. V. 55đ. — Các nơi 60đ.)

**2. — Truyện Hoa Tiên** của Nguyễn huy Tự  
do cụ Tôn thất Lương chú-thích.  
(Đang in lần thứ 2.)

**3. — Chinh Phụ Ngâm Khúc** của Đoàn thị Điểm  
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ ba)  
(Giá N. V. 32đ. — Các nơi 35đ.)

**4. — Cung Oán Ngâm Khúc**  
do cụ Tôn Thất Lương chú-thích (in lần thứ tư)  
(Giá N. V. 16đ. — Các nơi 17đ.)

**5. — Lục Vân Tiên** của Nguyễn đình Chiếu, sửa đúng theo  
bản P. J. B. Trương vĩnh Ký phát hành năm 1889  
có thêm phần chú thích (in lần thứ ba).  
(Trên giấy trắng — giá 48đ.)

**6. — Truyện Trê Cóc**  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba trên giấy trắng)  
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

**7. — Truyện Trinh Thử**  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)  
(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

**8. — Lục Súc Tranh Công**  
do cụ Bùi Kỳ hiệu-định (in lần thứ ba)  
(Giá 6đ. — Ngoài Nam Việt 7đ.)

**9. — Truyện Phan Trần** do Thi-Nham chú-thích  
(Đang in lần thứ 3.)

**10. — Nguyễn Cư Trinh** với quyền *Sãi Vãi* do hai ông  
Lê ngọc Trụ và Phạm văn Luật chú-thích và dẫn-giải.  
(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)

**11.— Hoa Điều Tranh Năng**

do cụ Bùi Kỳ hiệu-định.

(Giá 5đ. — Ngoài Nam Việt 6đ.)

**12.— Hạnh Thực Ca của Nguyễn nhược Thi**

do cụ Trần trọng Kim phiên-dịch và chú-thích.

(Giá 9đ. — Ngoài Nam Việt 10đ.)

**13.— Ngự Tiểu Vấn Đáp Y-Thuật của cụ ĐỒ CHIỀU**

(tác-giả Lục Vân Tiên) do Phan văn Hùm hiệu-định và chú-thích — Nhượng Tống tặng-bình bồ-chú.

(Giá Nam Việt 60đ. — Các nơi 65đ.)

**14.— Nhị Độ Mai do Thi Nham định-chính và chú-thích,**

(In lần thứ hai — trên giấy trắng giá 48đ.)

**15.— Bích Câu Kỳ Ngộ do Thi Nham**

định-chính và chú-thích

(Đang in lần thứ 3)

**16.— Nữ Tú Tài và Bần nữ thần do Thi Nham chú-thích**

(Giá 16đ. — Ngoài Nam Việt 17đ.)

**17.— Gia Huấn Ca do Thi Nham chú-thích.**

(Giá 10đ. — Ngoài Nam Việt 11đ.)

**18.— Nhị Thập Tứ Hiếu do Cao huy Giu chú-thích.**

(Sắp có bán — lần thứ hai)

**19.— Quan Âm Thị Kính do Thi Nham chú-thích.**

(Giá N. V. 12đ. — Các nơi 13đ.)

**II.— SÁCH GIÁO-KHOA QUỐC-TẾ**

Mọi có bán

**Thằng người gỗ tức là quyền « Les Aventures de Pinocchio ».** Bản dịch của Bửu Kế.

**Được giải nhất cuộc thi tiểu-thuyết của Hội phụ-huynh học-sinh Việt-nam.**

Họa-sĩ Mạnh Quỳnh minh-họa. Ấn-loát : 36 hình màu, 17 hình đen. Bìa in Offset 5 màu

(Giá Nam Việt 36đ. — Các nơi 39đ.)

**III.— SÁCH KHẢO-CỨU**

**1.— Vương Dương Minh của Đào trình Nhất**

(Giá 32đ. — Ngoài Nam Việt 36đ.)

**2.— Việt Sử Giai Thoại của Đào trình Nhất**

(Giá 20đ. — Ngoài Nam Việt 22đ.)

**3.— Tinh Thần Khoa Học của Nguyễn văn Tài**

(Giải thưởng Gia-Long năm 1943)

(Giá 17đ. — Ngoài Nam Việt 19đ.)

- 4.— *Phật-giáo* của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 18đ. — Ngoài Nam Việt 20đ.)
- 5.— *Phật-giáo xưa và Phật-giáo ngày nay*  
của cụ Trần trọng Kim.  
(Giá 13đ. — Ngoài Nam Việt 14đ.)
- 6.— *Nho-giáo* (Quyển thượng) của cụ Trần trọng Kim  
(Giá 80đ. — Ngoài Nam Việt 90đ.)

**Sắp có bán :**

*Nho-Giáo* (quyển hạ) của cụ Trần trọng Kim

**IV.— GIÓ BỐN PHƯƠNG**

- 1.— *Trên đường Giải-Phóng* của nhà văn-hào Cao-ly  
Younghill Kang — Bản dịch của Phạm trọng Nhân  
(Giá 42đ. — Ngoài Nam Việt 45đ.)
- 2.— *Mái Tây* (Tây Sương ký)  
một trong lục tài-tử của Tàu. Ảnh văn dịch bất hủ  
của Nhưộng Tống.  
(Giá 55đ. — Ngoài Nam Việt 60đ.)

**V.— THI-NHÂN VIỆT-NAM**

- 1.— *Hàn Mạc Tử* — khảo cứu của Trần thanh Mại  
(Giá 32đ — Ngoài Nam Việt 34đ.)

**VI.— TRUYỆN CỔ VIỆT-NAM**

- 1.— *Truyện Kỳ Mạn Lục* (toàn tập)  
Tập truyện cổ Việt Nam mà cụ Vũ khâm Lân đã cho  
là một « Thiên cổ kỳ bút »  
Bản dịch của Trúc Khê — Ngô văn Triện  
(Giá 40đ. — Ngoài Nam Việt 43đ.)

**VII.— SÁCH GIÁO-KHOA — TIÊU-HỌC**

(Soạn đúng theo chương-trình mới của  
Bộ Quốc Gia Giáo-dục)

**Đã có bán :**

**VIỆT - SỬ** lớp Ba 18đ. lớp Nhì 28đ. lớp Nhất 15đ.

**Quốc-văn toàn thư :** lớp Nhất, Nhì, Ba, Tư.

SÁCH MỚI !

HIỆN GIÁO-KHOA KHOA-HỌC  
**TÂN VIỆT**

*lần-lượt trình-bày các loại :*

- SÁCH HỌC
- PHƯƠNG-PHÁP GIẢI TOÁN
- BÀI TẬP
- KHOA-HỌC THƯỜNG THỨC

về

**TOÁN LÝ HÓA**

*cấp Trung-học*

với một nội-dung đầy-đủ và một lối biên-soạn  
mới, mong kịp bước tiến của khoa-học.

**HÓA-HỌC**

== ĐỀ - TỬ ==

của

PHẠM VĂN HƯỜNG

★

PHẠM VĂN THOẠI

*(Giáo-sư trường Trung-học Khải-định Huế)*

với một phương-pháp :

**dân-dị mà không thiếu sót**

một trình-bày :

**mới và hướng nhiều về thực-nghiệm**

**NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT**

235, Phan thanh Giản (Le Grand de la Librairie cũ) Saigon

TRUYỆN TRÌNH THỦ  
do cụ Ưu-Thiên BÙI KỶ  
hiệu-định — TẤN VIỆT  
xuất-bản lần thứ ba  
in xong ngày 26 tháng  
4 năm 1956 tại nhà  
in riêng của nhà xuất-  
bản TẤN VIỆT — Giấy  
phép xuất-bản số 126  
T. X. B. của bộ Thông  
Tin Nam-phần Việt-nam

# NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

SÁNG-LẬP NĂM 1937

Đã xuất bản trên 350 thứ sách giá-trị

## SÁCH GIÁO-KHOA «TÂN VIỆT»

Loại cổ văn chú-thích và dẫn-giải

### Đ Ầ C Ó B Á N

- |                        |                                 |
|------------------------|---------------------------------|
| 1. Truyện Thủy Kiều    | 10. Nguyễn Cư Trinh với Sài Vải |
| 2. Truyện Hoa Tiên     | 11. Hoa điều tranh nạng         |
| 3. Chinh-phụ ngâm-khúc | 12. Hạnh-thục ca                |
| 4. Cung-oán ngâm-khúc  | 13. Ngư Tiều văn-đáp Y-thuật    |
| 5. Lục Vân Tiên        | 14. Nhị độ Mai                  |
| 6. Truyện Trê Cóc      | 15. Bích-câu kỳ ngộ             |
| 7. Truyện Trinh Thử    | 16. Nữ Tú-Tài và Bần nữ thần    |
| 8. Lục súc tranh công  | 17. Gia huấn ca                 |
| 9. Truyện Phan Trần    | 18. Nhị-thập tứ hiếu            |
|                        | 19. Quan-Âm Thị Kính            |

### CÒN MỘT SỐ ÍT

## VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC

(In lần thứ năm)

của Cụ

TRẦN TRỌNG KIM

## NHÀ XUẤT-BẢN TÂN VIỆT

235, Phan thanh Giản (Le Grand de la Liraye cũ) Saigon

Giấy phép xuất-bản

Số 126/T.X.B.

của nha Thông-Tin  
Nam Việt

TRUYỆN TRINH THỬ

In lần thứ ba

Nam Việt... 32 \$ 00  
Các nơi..... 00 \$ 00